

BẢN NGUYỆT-SAN

BỘ MỚI SỐ 1

Siêng học

TẠP CHÍ GIÁO-DỤC . VĂN-NGHỆ . XÂY DỰNG HỌC ĐƯỜNG
Luyện thi môn Quốc-văn T.H. và Tú Tài A.B.C.D.



VÂN-ĐÌNH ✱
THANH-CHÂU ✱
LỤC-Y-LAN ✱
TRỊNH-VÂN-THANH ✱
TRỊNH, THANH-PHONG ✱
TRẦN-ĐÌNH-THỌ ✱
LÊ-PHẬT-TRIỂN ✱
TRẦN-TUẤN-KIỆT ✱
LINH-LAN-THẢO ✱
GIANG-CHÂU TƯ-MÃ ✱
HOÀNG-NHÂN ✱
KIỀU-DIỆM-HƯƠNG ✱
HÀN-NAM-NHI ✱
BẠCH-Y NHẤT-ĐOẢ-VÂN ✱
MÂY-NGÀN-PHƯ-ƠNG ✱
LINH-CHI ✱

Từ nay **SIÊNG-HỌC** của các bạn
ĐÃ TRỞ **Bản-Nguyệt-San**
THÀNH

XUẤT BẢN MỖI THÁNG 2 KỶ VÀO NGÀY 1 VÀ 15

Bản Nguyệt San

SIÊNG-HOC

Tạp chí Giáo-dục — Văn-ngệ — Xây dựng học đường

Xuất bản mỗi tháng 2 kỳ nhằm ngày 1 và 15

Chủ-nhiệm

G.S. TRỊNH-VÂN-THANH

Tổng Thư ký Tòa Soạn

G.S. TRẦN-ĐÌNH-THỌ

☆
số 1

Từ 15 đến 30 - 11 - 1965

☆
Giá 7 đồng

☆

TÒA SOẠN

490 TRẦN-HƯNG-ĐẠO SG

Đ.T. : 24.932

☆

TRỊ SỰ

491 ter LÊ-QUANG-ĐÌNH

GÒ-VẤP-G.Đ.

Thư từ và bài vở đề tên :

G.S. TRẦN-ĐÌNH-THỌ

491-ter Lê-Quang-Định (Gò-Vấp)

Trong số này :

- BỨC THƯ GỬI HỌC-SINH (nhóm Siêng-Học)
- VĂN-HỌC-SỬ (G.S. Lê-Phát-Triển)
- NGUYỄN-CÔNG-TRỨ : Câu hỏi Văn-chương và N.C.T. (G.S. Trịnh-Vân-Thanh)
- GIẢNG-VĂN : Muộn thành đạt. Quân tử cổ cù (G.S. Trần-Đình-Thọ)
- LUẬN : Hãy chứng minh rằng : «Không bao giờ... không gian-hiếm» (G.S. Trịnh-Thanh-Phong)
- SOI GƯƠNG KIM-CỒ : Từ cái liếc tổng tình... giai nhân (Thanh-Châu Lục-Y-Lang)
- KHẢO-LUẬN VĂN-CHƯƠNG : Nhận định về lời phê-bình của ông Vũ-ngọc-Phan về Tân-Đà : «Tân-Đà chỉ là một thi sĩ» (Vân-Đinh)
- VĂN ĐÀN BẠN TRẺ :
 - Góp gió muôn phương (Linh-lan-thảo)
 - Văn-ngệ Bạn-trẻ (nhóm Siêng Học)
 - Thủy-Dương Cát Trắng (Linh-lan-thảo)
 - Bốn Mùa Thương Nhớ (Giang-Châu Tư-Mã)
 - Thơ : (Sagiang Trần-tuân-Kiệt. Mặc-Tường)
 - Truyện Ngắn : Mảnh Bông Đằm Mầu (Hàn-Nam-Nhì)
- TÍNH CHẤT LẶNG MẶN TRONG THI CA : Hàn-Mặc-Tử với những dòng thơ dạt bằng nước mắt và mầu (Lục-Y-Lang)
- 1 Quan điểm về giáo dục (gs. Trịnh-Vân-Thanh)
- TÌM HIỂU KHOA HỌC : Sự đời đã khuất trong đôi mắt (nhưng thiên tài vẫn ngồi chối trong Tâm-Linh) (Linh-Chi)
- TỰ ĐIỀN THỜI-ĐẠI (do Mây-Ngân-Phương)
- TƯ TƯỞNG DANH-NHÂN O Vui Cười,



Các bạn Học-sinh,

Đã gần hai năm xa vắng các bạn, nhóm Siêng-học lại tái ngộ các bạn trên tập giấy nhỏ bé thân-mật và quen-thuộc này.

Niên-học mới bắt đầu, chúng ta lại có dịp gặp gỡ để cùng trao đổi cho nhau những điều cần-thiết cho mùa học mới.

Các bạn đồng-nghiep của chúng tôi, cũng như những các bạn học sinh cũ và các bạn công, tư-chức tự học để luyện thi có nhà ý khuyến-khích chúng tôi nên cho xuất-bản tập san Siêng-học lại, như những năm về trước. Luận-luận trung-thành với tôn-chỉ của nhóm Siêng-Học là : cố-gắng với những phương-tiện sẵn có để củng-hiến các bạn những tài-liệu cần-thiết cho việc tự-học luyện thi — mà đa số là những học sinh nghèo ở xa Đô thành, các bạn quân nhân hiện đang phục-vụ trong quân đội — không có phương-tiện để trường học thường g-uyên.

Nhằm mục đích trên đây, dù phải gặp nhiều trở ngại trong việc xuất-bản :

.. nhân công hiếm; chúng tôi cố gắng mỗi tháng hai lần sẽ gặp các bạn trên trang giấy này.

Hiện nay môn Việt-Văn rất quan trọng đối với thí sinh Trung-học cũng như Tư-Tại I cả ba ban A,B,C-D. Ra thi, thí sinh rần rẩy kiểm cho đủ số điểm trung bình về bài luận văn và những câu hỏi khảo sát của môn Việt-văn không phải là dễ. Phần nhiều các bạn học sinh bị đánh hỏng về môn Việt-văn mà không hề chú-ý tới. Các bạn cứ tưởng «tiếng mẹ đẻ» mà làm gì phải bận tâm. Chính sự sơ-sốt này đã làm cho nhiều bạn học sinh ăn hận, sau ngày tuyên-bố kết quả kỳ thi. Nhiều bạn làm luận văn và những câu hỏi khảo sát không được số điểm 05/20. Thật không ai ngờ? Chính chúng tôi đã xem phiếu điểm một thí-sinh Tư-Tại I Ban B, về môn Việt-văn : 03/20. Cái kinh nghiệm chưa tốt này, trường các bạn học-sinh sắp sửa «lưu-chợ» ứng-thí nên thận trọng.

Để giúp các bạn khỏi phải nát óc trong việc trau dồi môn Việt-văn, chúng tôi sẽ tuần tự trình-bày đầy-đủ những tác-giả cùng những tác-phẩm đã ghi trong chương-trình do Bộ Văn-Hoá Giáo-Dục ấn-định. Mỗi tác-giả, chúng tôi sẽ nêu lên phần tiểu-sử, những bài tiêu-biểu của tác-giả ấy, và chia ra thành đề-mục như : hào-hùng, ái-quốc, lãng-mạn, trữ-tình, trào-phúng... Và mỗi đề-mục đều có phần tổng-kết để các bạn tìm thấy đặc-điểm trong thi-ca của tác-giả ấy. Như vậy các bạn sẽ dễ-dàng nhận-xét từng tác-giả, và nắm vững được vấn-đề.

Về phần Văn-học-sử, chúng tôi cũng sẽ trình-bày có hệ-thống, tóm-lược những gì cần-thiết, bỏ những gì xét ra không quan-trọng cho việc tự-học của các bạn. Mỗi kỳ, chúng tôi sẽ cho đăng một bài văn-học-sử kèm theo các bài luận văn và giảng-văn.

Để cho việc tự-học của các bạn được thêm phần hứng thú, chúng tôi sẽ công-hiến các bạn lần lượt những giai-thoại văn-chương, những điển-tích có liên-quan đến những điển-cổ mà các bạn thường gặp trong văn-thơ của các tác-giả.

Ngoài ra, các bạn cũng sẽ tìm thấy trong tập-san Siêng Học, trong kỳ tái-ngộ này những bài bình-luận văn-chương, những tùy-bút, truyện ngắn có thể giúp các bạn trong việc tìm ý để làm một bài văn nghị-luận văn chương và luận-lý.

Thân ái chúc các bạn thành công rực-rỡ.

Nhóm Siêng-Học

VĂN HỌC-SỬ

ĐỊNH NGHĨA

Danh từ này đối với chúng ta không có gì là mới mẻ. Ở Đông phương trong bộ sách Luận ngữ của Đức Khổng Tử, nhất là trong chương «**Công dã trọng**» Ngài đã từng nói đến chữ Văn.

Thầy Tử Cống hỏi Đức Khổng Phu Tử tại sao lại lấy chữ Văn mà đặt bút hiệu cho Văn Tử. Ngài trả lời: «*Vì người sỹ thông minh và rất ham học, không lấy việc đi hỏi người bậc dưới mà làm thẹn, vậy đặt tên là Văn. Ngài lại khuyên cáo đệ tử: «Trong nhà cần phải tập ăn ở cho có hiếu với cha mẹ, ra đường phải kính trọng bậc niên trưởng, phải cần thận, thật thà, phải biết yêu mến tất cả mọi người và biết gần gũi với người có lòng nhân. Ngoài những công việc trên, các đệ tử phải học Văn».* Vậy theo Nho giáo Văn học có nghĩa là sự hiểu biết tường tận và thấu đáo rộng rãi về nghĩa lý văn chương.

Theo Tây phương, «*Littérature*» gồm có hai nghĩa: Văn học là một bộ môn của văn hóa gồm tất cả công trình sáng tác về văn hay văn vần. Văn học là khoa nghiên cứu về những áng văn.

Theo như nghĩa thứ hai, ta có thể nói: «*Văn học là một khoa học mà trong đó gồm có: Sử học, triết học, toán học*». Nếu như thế, nghĩa này quá rộng và mơ hồ.

Theo ông GOETHE, một văn hào Đức ở thế kỷ thứ 18: «*Văn học là một mảnh trong một mảnh*». Nghĩa này lại quá hẹp.

Ông Hồ Hoài Thâm ở Trung Hoa lại định nghĩa: «*Những tình cảm được cất chứa trong lòng người, khi nó đã được nghệ thuật hóa mà hiện hiện ra ngoài tức là văn học, thực chất của văn học là tình cảm*».

Chúng ta có thể lấy một định nghĩa chung trong tất cả những định nghĩa trên: «*Văn học là một phương pháp để biểu hiện và đạo đạt tình cảm của con người. Văn học khác hẳn với khoa học vì khoa học được thu hẹp trong lý tính, còn văn học thiên về tình cảm mà lý tính là thụ động*».

Văn chương truyền khẩu

Khi chưa có một nền văn chương bác học, nước ta cũng như hầu hết các quốc gia khác trên thế giới, đã có một nền văn chương truyền khẩu, tương truyền do lớp người bình dân truyền lại.

Văn chương truyền khẩu ở nước ta đầu tiên được lớp người bình dân phát huy, do sự trực tiếp gần gũi với thiên nhiên. Hết 90% dân Việt Nam đều sống về nông nghiệp. Vì luôn luôn hòa mình vào cuộc sống giữa thiên nhiên, những người này có một nguồn cảm hứng vô cùng tận:

Thành phần nền văn chương truyền khẩu gồm có:

1/ Tục ngữ hay ngôn ngữ.

Thí dụ:

No nên bực, dỗi nên ma.

Giấy rách giữ lấy lề

2/ Phương ngôn.

— *Những câu nói chỉ lưu hành trong một địa phương nào đó.*

3/ Ca dao hay phong dao (câu hát đề nói lên phong tục)

Thí dụ:

Nằm tiền một khứa cá buôi.

Cùng mua cho được về nuôi mẹ già

Văn chương bác học

Nền văn chương bác học chịu ảnh hưởng rất nhiều của các sách vở Trung Hoa như: **Tứ Thư**, gồm có các bộ sách:

— *Đại học*: Sách có trình độ văn hóa cao ở bậc Đại Học.

— *Trung Dung*: Sách chép lời thầy dạy bảo học trò.

— *Luận Ngữ*: Sách chép lời Khổng Tử khuyên bảo môn đệ, và những câu chuyện Ngài bàn luận với người đương thời.

— *Mạnh Tử*: Sách do chính Mạnh Tử soạn, gồm có những vấn đề luân lý và chính trị.

Ngũ Kinh gồm có:

— *Kinh Thi*: Ghi chép những điển tích và những bài ca, dao của các nước chư hầu và Trung Quốc thời thượng cổ.

— *Kinh Thư*: Ghi chép những phép tắc, mệnh lệnh, mục kẻ, lời truyền bá, dạy dỗ từ đời Nghiêu Thuấn đến đời Chu.

BIÊN HỌC

— **Kinh Dịch** : Sách dạy về phép thuật số, bói toán và giải thích lẽ biến dịch của Trời Đất.

— **Kinh Lễ** : Sách chép về các nghi lễ trong gia đình, trong làng xóm và ở nơi triều đình.

— **Kinh Xuân Thu** : Sách sử ký của nước Lỗ do Khổng-Tử san định chép từ đời Lỗ Ẩn Công đến đời Lỗ Ai Công, và tư tưởng của Nho giáo, Lão giáo và Phật giáo.

Nếu văn chương bình dân rất dễ hiểu và giản dị, thì trái lại, văn chương bác học có tính cách cao xa, thường xen vào nhiều điển cố, khiến cho người đọc phải suy-gẫm, tra cứu mới thấu triệt được. Tóm lại, văn-chương bác học thường gồm những vấn đề triết-lý, chính-trị, luân-lý... mà muốn tìm hiểu, người đọc cần có một trình độ văn hóa căn-bản.

PHÂN ĐỊNH THỜI KỲ VĂN-HỌC-SỬ.

Văn-học-sử từ sau Nguyễn-Đu đến năm 1945 được chia làm ba thời kỳ chính :

- 1) Từ năm 1802 đến năm 1862 : *Văn-học-sử tiền bán thế kỷ XIX*
- 2) Từ năm 1862 đến năm 1884 : *Văn-học-sử hậu bán thế kỷ XIX*
- 3) Từ năm 1884 đến năm 1945 : *Văn-học-sử tiền bán thế kỷ XX*

Hoàn-cảnh lịch-sử :

1802 : Vua Gia Long thống nhất đất nước chấm dứt một cuộc chiến tranh dai dẳng đến gần mấy trăm năm. Nhà vua cho chấn-chỉnh lại Nho-giáo, nâng-dỡ các sĩ-phu đạ kén chọn nhân tài. Vì áp-dụng chính-sách ngoại-giao lỗi thời, nhà Nguyễn quá thần phục Trung-Quốc, làm mất cơ hội tốt để giao hảo các quốc-gia Tây-phương.

Vùng-vé nhất là nhà Nguyễn đã cấm và giết những người theo đạo Gia-Tô, khiến cho Pháp mượn cơ bảo-vệ các nhà truyền-giáo và kiều dân của họ, mở chiến-tranh tìm thuộc-địa ở Việt-Nam.

Năm 1857 liên quân Pháp-Tây-Ban-Nha tấn công vào Đà-Nẵng, rồi tiến vào Nam.

1862 : 3 tỉnh miền đông Nam-Phần rơi vào tay Pháp, nền tự chủ của Việt Nam bị mất hẳn kể từ đó.

1867 : 3 tỉnh miền Tây bị Pháp chiếm luôn. Miền Nam hoàn toàn lệ thuộc vào sự cai-trị của người Pháp.

LUYỆN THI TRUNG HỌC ĐẸ NHẤT CẤP VÀ TỬ TÀI

- 1873 : Hà-Nội bị Pháp chiếm lần thứ nhất. Nguyễn-Tri Phương và con là Phò-Mã Nguyễn-Lâm tử trận (*Nguyễn-Tri-Phương nhện dơi mà thác*)
- 1882 : Quân Pháp chiếm Hà-Nội lần thứ hai và buộc triều đình Huế phải ký Hoà-ước nhậm nhận quyền Bảo hộ của họ ở Bắc và Trung.
- 1883 : Tình thế đất nước đang rối-ren, Vua Tự-Đức mất.
- 1884 : Hiệp ước Patenôtre ra đời, nước Việt-Nam hoàn toàn mất hết chủ quyền.
- 1885 : Ngoài mặt giả vờ công nhận Hiệp ước đã ký-kết, nhưng triều đình Huế vẫn ngấm-ngấm hoạt động chống Pháp, do đại-thần Tôn-Thất-Thuyết chủ trương. Công việc thất bại, Vua Hàm Nghi rời kinh thành Huế.
- 1888 : Phong trào Cần-Vương ra đời. Kế tiếp là phong trào Văn-Thân ở Bắc. Nhưng đều hoàn-toàn thất bại.
- 1900 : Phong-trào Việt Nam Quốc-Dân Đảng do Nguyễn Thái-Học lãnh-đạo bị thất bại. Nguyễn-Thái-Học và các đồng-chí đều bị lên án tử hình tại Yên-Báy. Từ bấy giờ trở đi, các phong-trào ái-quốc đều hoạt-động trong bóng tối để chống Pháp.
- 1939 : Nhân có cuộc Đệ-nhi thế-chiến, các phong-trào ái quốc trong nước hoạt-động ráo-riết trở lại. Ngày mùng 9—3—1945, Nhật cướp chính-quyền của Pháp tại Đông Dương. Sau khi Nhật bại trận, nước Việt-Nam khôi-phục tại chủ-quyền.

Giới thiệu sách mới

THÀNH NGỮ ĐIỀN TÍCH DANH NHÂN TỪ ĐIỀN

Một tài liệu biên khảo công phu trên 8 năm mà các bạn yêu tiếng mẹ không thể thiếu được. Trên 10.000 thành ngữ điền tích trong đủ các loại sách quý đã được sưu tập và xếp đặt theo mẫu tự A, B, C. Đầy đủ các danh nhân, thi gia, văn hào Việt Nam tiện việc tham khảo. Các tác phẩm nổi danh như Đoạn Trường Tân Thanh, Lục vân Tiên, Nhị Độ Mai, Chinh Phụ ngâm khúc và hàng trăm tác phẩm khác đều được tập trung trong quyển :

THÀNH NGỮ ĐIỀN TÍCH DANH NHÂN TỪ ĐIỀN.

Sách dày trên 1.200 trang, chữ nhỏ bla in tuyệt đẹp. Trình bày mỹ thuật. Do Ban Tu Thư Siêng Học xuất bản.

Nguyễn-Công-Trứ

(1778 — 1858)

Sơ lược tiểu sử tác giả.

Nguyễn-công-Trứ sinh ngày mùng 1 tháng 1 năm Mậu Tuất niên hiệu Cảnh-Hung 38 triều vua Lê-Hiến-Tông (1778) tự là Tôn-Chất, hiệu là Ngộ-Trai biệt hiệu là Hy-Văn, người làng Uy-viên huyện Nghi Xuân, Tỉnh Hà-Tĩnh, dòng dõi trăm anh thế phiệt. Thân phụ ông là Đức Ngạn-Hầu Nguyễn-công-Tấn, mẹ là bà trắc thất Nguyễn-Thị, con gái quan Quản nội-thị Cảnh-Bá-Nhạc, người Sơn-Nam (Hà-Đông). Vậy Nguyễn-công-Trứ thuộc dòng dõi gia đình nho giáo chính tông. Cuộc đời của tác giả có thể chia làm 3 thời kỳ chính :

a). Thời kỳ hàn vi (1778—1820).

Suốt gần nửa đời người sống trong cảnh nghèo túng xác xơ, đường công danh lận đận. Mãi đến năm 1819, cụ mới đỗ giải-nguyên và bước chân vào hoạn-lộ.

b). Thời kỳ xuất chính (1820—1848).

Trong suốt thời kỳ xuất chính, Uy-Viên tướng công đã hoạt động tích cực trên mọi lãnh vực : chính-trị, quân-sự, kinh-tế, xã-hội văn hóa.

Cuộc đời làm quan của cụ thăng giáng nhiều lượt khi thì làm Binh Bộ Thượng Thư, khi thì làm linh thú ở Quảng-Ngải. Rồi cuộc sau hơn 30 năm trên quan trường, cụ được giữ chức Thừa-Thiên Phủ Doãn cho đến ngày về hưu. Trong khi lặn lội vất vả trên bước hoạn-lộ, cụ vẫn luôn lạc quan, tin tưởng và giữ thái độ bình thản không cho đó là vinh hay nhục.

c). Thời kỳ hưu nhàn (1848—1858).

Sau thời gian hoạt động không ngừng, Hy-văn tiến sinh về hưu. Trong thời kỳ này, cụ gạt bỏ ngoài tai việc đời, lấy việc ngao-du sơn-thủy để làm thú tiêu khiển trong lúc bóng đã xế chiều. Cuộc đời nhàn tản của cụ được tiếp diễn êm đềm cho đến năm 1858, ngày cụ trở về cát bụi. Hưởng thọ 81 tuổi. Về văn nghiệp, cụ còn để lại rất nhiều thi phẩm đủ các loại : Đường luật, Phú, Hát nói, câu đối rất, có giá trị.

LUYỆN THI TRUNG HỌC ĐỆ NHẤT CẤP VÀ TỰ TÀI

Xét qua thi ca của Nguyễn-công-Trứ ta có thể xếp loại như sau :

- 1). Nghèo qua thi ca.
- 2). Ké sĩ qua thi ca.
- 3). Chí làm trai qua thi ca.
- 4). Hành lạc qua thi ca.
- 5). Nhân qua thi ca.
- 6). Tình ái qua thi ca.

CÂU HỎI VĂN CHƯƠNG

Thí sinh đọc kỹ bài thơ và trả lời 6 câu hỏi ghi dưới :

CHÍ NAM NHỊ

Thông minh nhất nam tử
Yếu vi thiên-hạ kỳ
Trót sinh ra thì phải có chí chí
Chẳng lẽ tiêu lưng ba vạn sáu
Đổ kị sá chi con tạo
Nợ tang bằng quyết trả xong
Đã xông pha bát trận, thì gắng gỏi kiếm cùng
Làm cho rõ tu mi nam tử
Trong vũ trụ đã đành phận sự
Phải có danh gì với núi sông
Đi không chẳng lẽ về không

Nguyễn-công-Trứ.

1. Cho biết đại ý bài thơ.
2. Giải nghĩa những từ ngữ sau đây : đổ kị, nợ tang bằng, bát trận, tu mi nam tử, vũ trụ — Câu 1-2 có nghĩa như thế nào ?
3. Bài thơ trên có thể chia làm mấy đoạn ? Cho biết ý chính của mỗi đoạn.
4. Về hình thức, bài hát nói « Chí Nam Nhị » có những đặc điểm nào ?
5. Qua câu « phải có danh gì với núi sông », Nguyễn-công-Trứ cho ta biết về chữ danh như thế nào ?
6. Căn cứ vào những biến cố lịch-sử ta có thể chia văn học thế kỷ XIX và XX ra làm mấy thời kỳ ?

CÂU HỎI VĂN-CHƯƠNG

TRẢ LỜI

1.— Đại ý bài thơ

Người nam nhi sanh trong trời đất là đã mặc nhiên mang một món nợ. Đó là món nợ tang bồng. Thi đồ ra làm quan trả xong nợ bát, duyên văn lưu danh thanh sử; người trai mới xứng đáng tà trang « tu mi nam tử »:

2.— Giải nghĩa từ ngữ

đố kỵ : ghen ghét, ý nói tà. mệnh tương đố.
nợ tang bồng : nợ của người nam nhi, đó cũng là món nợ công danh.
bút trận : trận bút nơi trường thi, nói sự ganh đua nơi trường ốc.
tu mi nam tử : người con trai (do chữ tu : râu; mi : lông mày)
vũ trụ : trong vòng trời đất, ý nói không gian và thời gian.

3.— Phân đoạn bài thơ

Bài thơ trên chia làm 3 đoạn chính:

Đoạn I (khổ đầu) : Người nam nhi cần lập sự nghiệp lẫy lừng.
Đoạn II (khổ giữa) : Không màng đến sự ghét ghen của tạo vật và cương quyết trả cho xong món nợ tang bồng.
Đoạn III (khổ xếp) : Người nam nhi phải có danh gì cùng sông núi,

4.— Những đặc điểm về hình thức bài thơ

Lời văn trong bài này diễn tả được sự cương quyết và lòng tự tin của tác giả. Những chữ dùng rắn rỏi như « phải có, phải trả, chẳng lẽ, đã đành ».

Về bút pháp, những câu trong bài có những đặc điểm sau :

- câu 1-2 : giọng thơ mạnh vì số chữ được rút ngắn.
- câu 3-4 : được vẽ hào khí của một con người khí phách ngang tàng (trót, chẳng lẽ, chi chi).
- câu 5 : giọng văn mạnh mẽ vì dùng nhiều thanh trắc
- câu 6 : lời văn trở lại êm êm
- câu 7 : những tiểu đối trong câu khiến giọng văn dồn dập.
- câu 7-9 : âm điệu trầm hùng
- câu 10-11 : những chữ « không », « không » được vang lên như búa-hạ cương quyết.

Những danh từ Hán Việt, ngoại trừ câu 1-2, đã được Việt-hoá nên rất thông dụng như : tang bồng, nam tử tu mi, kiếm cung, đố kỵ, con tạo.

5.— Nghĩa chữ « danh » trong câu thơ

Qua câu « Phải có danh gì với núi sông », Nguyễn-công-Trứ cho ta biết rõ ông quan niệm về chữ « danh » rất rõ rệt. Danh đây là phương danh, hay danh thơm tiếng tốt, chứ quyết không là thứ danh vị hão huyền. Ta được nghe Uy-Viên tướng công nhắc đi nhắc lại nhiều về chữ danh trong các thi phẩm của ông. Chữ danh hầu như gắn liền vào cuộc đời thi-sĩ họ Nguyễn, vì ông nghĩ rằng con người đã có một danh vị hiển hách, tất phải có một sự nghiệp lẫy lừng, để thực hiện cho kỳ được câu « Bách thế lưu phượng », vì đó là hoài bão của người trai hào hùng vậy.

6.— Phân chia thời kỳ văn-học thế kỷ XIX và thế kỷ XX

Căn cứ vào những biến cố lịch sử, ta có thể chia văn học thế kỷ XIX và thế kỷ XX ra làm 3 thời kỳ :

a) **văn-học thời kỳ tự chủ** : (1802-1862), cũng được gọi là văn học học tiền bán thế kỷ XIX. Trong thời kỳ này nền văn-học nước ta chú trọng nhiều về chữ Nho.

b) **văn học thời kỳ chiến tranh** : (1862-1884), cũng được gọi là văn-học hậu bán thế kỷ XIX. Văn học trong thời kỳ này chuyên nghiên cứu về văn Nôm.

c) **văn học thời kỳ đô hộ** : (1884-1945), còn gọi là văn học tiền bán thế kỷ XX. Trong thời kỳ này nền văn học nước ta chuyên nghiên cứu về văn thơ chữ Quốc-Ngữ.



Giảng-văn:

Muộn thành đạt

Cảnh muộn đi về nghĩ cũng rầu
Trông gương mà thẹn với hàm râu
Có từng gian hiểm mình càng trí
Song lắm phong trần lụy cũng sâu
Năm ấy đã qua thời chẳng lại
Lộc kia có lộc mới còn lâu
Khi vui giễu cợt mà chơi vậy
Tuổi tác ngần này có chịu đâu

I.— Văn thể:

Đường luật. Thất ngôn bát cú luật trắc vần bằng.

II.— Giảng nghĩa từ ngữ:

Gian hiểm: Những khó khăn, vất vả.

Trí: Trí tuệ. Ý nói trí được rèn đúc, trau dồi tinh nhuệ.

Phong trần: Gió bụi. Gió thổi bụi bay. Đi đường hay bị gió bụi, nên thường gọi phong trần là nổi khó nhọc đi đường. Ý nói những sự cơ cực.

Lụy: Phiền lụy.

Cũng sâu: Cũng nhiều.

Năm ấy: Ý nói những năm hàn vi.

2 câu 5 và 6: Ý nói thế là kỳ thi ấy đã qua mà thời vẫn chưa tới; nhưng không cần, thành đạt muộn thì sẽ được hưởng lộc lâu dài!

Lộc: Ý nói đường công danh.

Chịu đâu: Chịu đâu hàng số mệnh.

III.— Đại ý

Tác giả than thở về cảnh thành đạt muộn màng của mình nhưng vẫn hy vọng thì đỗ ra làm quan chứ không chịu đầu hàng cảnh nghèo.

IV.— Phân đoạn:

Bài này có thể chia ra làm 3 đoạn:

a/. Đoạn 1: (Câu 1 và 2) Nghĩ về thân phận mà thấy hổ thẹn.

SIẾNG HỌC

b/. Đoạn 2: (Câu 3-4 và 5-6) Cảnh nghèo vẫn có ích và thành đạt muộn càng tốt.

c/. Đoạn 3: (Câu 7-8) Hi vọng thành đạt, không chịu đầu hàng hoàn cảnh.

V.— Bình Luận:

(1) Con đường tiến thân duy nhất của thời xưa chỉ có khoa cử. Thế nên các nhà nho học hành với mục đích đỗ đạt ra làm quan trước để được vinh thân, danh dự cho gia đình tộc họ, sau báo đền ơn vua nợ nước. Vì lẽ đó việc học hành thi cử thời xưa rất quan trọng mà mọi người nam nhi trong xã hội từ khi mở mắt chào đời đã tự xem như mình đã inang lấy cái món nợ đối với bản thân, với vua, với nước.

«Tang bồng là cái nợ, làm trai chi sợ Ắng công danh.»

Vì tính cách trọng đại đó nên giai cấp sĩ phu được đề cao và được xếp đứng hàng đầu trong tất cả mọi ngành trong xã hội:

«Tước hữu ngũ sĩ cư kỳ liệt,

Dân hữu tứ, sĩ vi chi tiên.»

Quan niệm như vậy cho nên trường khoa cử lúc bấy giờ đã biến thành một buổi chợ phiên đ. ạt, một cuộc đua nước rút. Nếu cuộc đời không toàn màu hồng hay toàn màu đen thì đường khoa cử cũng có kẻ được thông suốt dễ dàng nhưng cũng lắm kẻ lại không may mắn bị trắc trở lận đận. Nhưng là muôn đệ của nhà Nho, xuất thân từ nơi cửa Khổng sân Trình. Kẻ sĩ luôn luôn lúc nào cũng tạo cho mình một đức tin vững mạnh vào lẽ tuần hoàn của vũ trụ, vào thiên mệnh để dần dần gạt bỏ những yếu hèn uỷ mị, những thất vọng chán nản, mỗi khi thất bại nào nề, để tự an ủi trong lúc anh hùng còn vị ngộ.

(2) Không phải là hạng người phạm phu tục tử kém tài vô hạnh nên gần suốt nửa đời người mà chưa đỗ đạt nhưng có lẽ vì sự ghen ghét của một số nịnh thần đem pha nên Nguyễn công Trứ phải chịu nhiều phen cay đắng, lận đận trên đường khoa bảng. Dù có sẵn một niềm tin và mỗi hy vọng rạt rào vì ông biết rằng con đường vinh quang hiển đạt đang chờ ở đầu mút đường kia, để đón rước ông, nhưng thi hỏng nhiều lần ông cũng có lúc nóng lòng, bực bội và xót thương cho thân phận muộn màng của mình.

Cảnh muộn đi về nghĩ cũng rầu.

Nhưng cảnh ngộ càng khốn cùng, chỉ khi lại càng cứng cỏi

và chí nhẫn nại càng dẻo dai. Đặc biệt nhất trong bài này là chúng ta thấy rõ một tâm hồn lạc quan và nguồn hy vọng vô biên của ông. Thất bại nhưng không buồn chán, không oán than, nghèo khổ nhưng không nhục thể, không bán rẻ lương tâm một cách đốn hèn, trối lại, ông cho rằng là người anh hùng hay những bậc quân tử trượng phu phải trải qua nhiều gian nan nguy hiểm thì trí tuệ mới trưởng thành và thông minh hơn :

« Có càng gian hiểm mình càng trí »

Hơn nữa, theo ông tuy sự thành đạt muộn màng sẽ làm cho đời sống ta nhiều vất vả, lao khổ âu lo song đền trả lại càng thất bại nhiều con người chúng ta sẽ được un đúc, uốn nắn chắc chắn và sẽ có nhiều kinh nghiệm, bản lĩnh trước khi được công thành danh toại. Cho nên ngoài 40 tuổi, ông vẫn không nản lòng, thối chí và nhất định không đầu hàng hoàn cảnh. Thật vậy, hoàn cảnh tạo nên anh hùng. Chính Taine, nhà phê bình đại danh nước Pháp cũng đã nói : *Những sản phẩm chế tạo loài người cũng như những sản phẩm thiên nhiên chỉ có thể giải thích bằng hoàn cảnh. Muốn hiểu một tác phẩm nghệ thuật, một nghệ sĩ, một nhóm nghệ sĩ phải khảo cứu tương tận tình-trạng đại cương của trí thức và của phong tục trong cái thời đại đã đẻ ra chúng ».*

VI.— Kết luận :

Tóm lại, bài thơ trên đã diễn tả được chí hướng của nhà Nho Nguyễn-công-Trứ. Dù nghèo khổ, bị hoàn cảnh chà đạp, bóp méo như những ngọn roi phũ phàng, những bão lộng tới bời quất tạc vào người ông nhưng lòng tin tưởng sắt đá, mãnh liệt vào tương lai, ông không để cảnh nghèo khổ lung lay tinh thần mình. Nhờ lòng tin đó, tuy sự thành đạt hơi muộn nhưng chính vì thế mà sự đắc thắng của nhà Nho N.C.T thật hết sức vẻ vang và xứng đáng dù đã trọn một nửa đời người. Đúng như người ta thường bảo : **« Chiến thắng không gian nguy thành công không vinh quang »** (*A vaincre sans péril, on triomphe sans gloire*),

TRẦN-DÌNH-THỌ

*Giáo sư các trường Bờ-Đà,
Đạt Đức, Trung tâm Pasteur*

Giảng-văn :

Quân tử cố cùng

Tang bồng là cái nợ, làm trai chỉ sợ ảng công danh.

Phú quý tương di hậu ngô sinh,

Bần tiện tương di ngọc ngô thành.

Cái vinh nhục nhục vinh là đắp đổi.

Thầy năng thể thương vong danh lợi,

Tiền thị nhân gian nhất hóa công.

Thời thời trôi quân tử cố cùng,

Cùng lúc ấy hẳn là thông lúc khác,

Số tạo vẫn tùy cơ phó thác,

Chớ như ai chi chất cũng tay không.

Chơi cho phí chi tang bồng.

I.—VĂN THỂ :

Hát nói. Trong các thể văn riêng của ta : Tục, ngâm, hát nói., thì hát nói xuất hiện sau cùng vào khoảng *hậu diệp* (đời cuối. Hậu : *sau cuối* ; diệp : *Thời đại*) thời kỳ Lê Mạt — Nguyễn sơ, và là một thể văn biến thể của hai lối lục bát, song thất, rất thịnh hành thông dụng trong văn học nhà Nguyễn. Ra đời với xã hội ăn chơi, đào nương cuối thế kỷ XVIII, nó là những bài thơ làm ra nhằm mục đích cho đào nương hát, nghĩa là phải ăn nhịp theo khổ phách, cung đàn, nhịp trống và của tình cảm bản năng lộng lộn. Lối văn này nó lại bác tạp đủ thứ, vừa Việt văn lại cả Hán văn, mang nhiều tính cách *lai căn* ». Chủ đề thì bao giờ cũng chỉ quanh quẩn trong phạm vi cầm, kỳ, thi, tửu, phong, hoa, tuyết, nguyệt, mà nhất là mối tình gắn gũi với đào nương.

Hát nói xưa hội là Đào Nương ca, là tối hát do nàng con gái tên Đào làm ra. Về sau còn gọi là hát ả Đào, hát cô Đào hay ca trù.

HÌNH THỨC HÁT NÓI :

Qui tắc :

1/. Hát nói có 3 loại : *Đủ khổ* (3 đoạn, mỗi đoạn 4 câu, đoạn cuối 3 câu gọi là khổ xếp). *Đôi, dư khổ* (trên 3 đoạn) và *thiếu khổ* (dưới 3 khổ).

2/ Mỗi bài hát nói thường có một câu thơ bằng chữ Nho gọi là câu chữ do tác giả sáng tác hoặc trích dẫn ở sách vở xưa.

3/ Mỗi bài hát thường có câu mở đầu, làm theo thể lục bát dùng để tóm tắt đại ý của bài hát. Nếu đặt trước bài hát gọi là « mở đầu », nếu đặt sau thì gọi là « mở hậu ».

4/ Số chữ trong mỗi câu không hạn định. Thường là 7 hoặc 8 chữ, có khi chỉ vài ba chữ có khi trên 10 chữ... Nhưng câu cuối bắt buộc phải 6 chữ.

II.— GIẢNG NGHĨA TỪ NGỮ :

Quân tử : Người có tài, đức, địa vị hơn người. Người có phẩm hạnh ngay thẳng và nhân cách hoàn toàn, theo Khổng giáo. Đạo làm người Quân tử gồm trong hai điều chính sống theo « **thiên mệnh** » (quân tử tri thiên mệnh) và sống theo lẽ « **trung dung** ».

Cổ cùg : Cảnh nghèo xơ xác.

Tang bồng : (Do chữ tang bồng hồ thi) cung bằng gỗ dẫu, tên bằng gỗ bồng. Do theo điển tích : Ngày xưa tục nước Tàu hễ đẻ con trai thì dùng cung tên giả bằng tang và bồng bắn sáu phát lên trời, xuống đất và ra bốn phương, tỏ ý người con trai sẽ có công việc ở thiên địa tứ phương. Vì thế người ta dùng chữ : Tang bồng hồ thi mà tỏ chí khí của nam nhi.

Áng : Việc.

Câu 2 : Cảnh giàu sang sẽ làm cho đời sống của ta được sung sướng.

Câu 3 : Cảnh nghèo hèn sẽ giúp ta trau dồi thành người.

Đáp đối : thay thế nhau.

Câu 5 : Trên đời này thử hỏi ai dám quên danh lợi.

Câu 6 : Danh lợi chính là một ông trời trong chốn nhân gian,

Thông : Ý nói lúc hiển đạt.

Tảo : Sớm. **Vãn** : Muộn.

Chi chất : Ý nói cố gắng làm việc để thành công.

III.— ĐẠI Ý :

Người quân tử dù sống trong cảnh nghèo vẫn tin vào thiên mệnh, lẽ tuần hoàn của trời đất và xem cảnh nghèo là một dịp thử thách kẻ tài trai.

IV.— PHÂN ĐOẠN :

Bài này có thể chia ra làm 3 đoạn :

LUYỆN THI TRUNG HỌC ĐỆ NHẤT CẤP VÀ TỬ TÀI

Đoạn 1 : Người quân tử xem cảnh nghèo là một thử thách.

Đoạn 2 : Người quân tử tin vào lẽ tuần hoàn của vũ trụ.

Đoạn 3 : Người quân tử tin vào thiên mệnh.

V.— BÌNH-LUẬN :

1) Đối với Nho giáo, người quân tử là mẫu người lý tưởng, còn được gọi là bậc trượng phu. Quân tử là người phải theo đúng đạo thánh hiền. Mục đích của các kẻ sĩ ngày xưa là cố dùi mài kinh sử để thực hiện cuộc sống những bậc quân tử vì theo định nghĩa, quân tử là người có tài đức và sự nghiệp hơn người. Trong bài này, tác giả nêu rõ thái độ của người quân tử lúc sống trong cảnh nghèo.

2) Tư tưởng bài này gồm trong 3 điểm chính yếu :

— Người quân tử không sợ cảnh nghèo và không vì túng quẫn mà bỏ đạo thánh hiền. Sách có câu « **Phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất** ». Trái lại người quân tử phải vui vẻ đón nhận cảnh nghèo, xem đó là một dịp thử thách của tạo hóa. Hơn nữa, cảnh nghèo khổ đau đớn sẽ giúp người quân tử trau dồi những đức tính để thành người :

« **Bần tiện tương di ngọc ngọc thành** »

— Ngoài ra, người quân tử phải sống theo « **Thiên mệnh** » (Quân tử tri thiên mệnh). Người quân tử phải kiên nhẫn chịu đựng số phận của mình và chờ đợi thời cơ. Nếu số thành đạt muộn màng thì phải rán chịu, chờ dù có hoạt động bao nhiêu thì tay trắng vẫn hoàn tay trắng.

— Sau hết, người quân tử phải trông vào sự biến hoá của trời đất và suy luận về việc đời. Trời có lúc mưa lúc nắng, thì việc đời cũng có khi cùng khi thông. Nhờ sự tin tưởng đó mà người quân tử mới có lòng hy vọng sẽ chấm dứt được cảnh cớ cùng và bước vào đường hiển đạt.

3) Tóm lại, bài hát nói này chịu ảnh hưởng sâu đậm của tư tưởng Nho giáo, Nho giáo đã chủ trương con người cần phải có bản lĩnh đứng để ngoài cảnh chi phối và có như vậy mới mong làm được việc lớn có ích cho đất cho nước. Ngày nay trong một xã-hội mới con người cần phải can đảm toàn diện, phải xông xáo hoạt động tìm cho mình một hướng đi lên, tư tưởng trên của Nguyễn-công-Trứ đáng được dân hậu tử chúng ta suy nghĩ và tìm ở đó những bài học gương mẫu trong việc lập chí.

TRẦN BÌNH-THỌ

LUẬN :

Hãy chứng minh rằng :
« Không bao giờ có hoà-
bình không chiến đấu,
không bao giờ có một
nền tự-do không gian
hiềm ».

Bài tham khảo

I. — NHẬP ĐỀ. —

Muốn tạo được nền hoà bình, bao giờ cũng phải dùng đến giải pháp chiến tranh để đạt đến mục đích. Mọi nghe qua chúng ta không khỏi ngạc nhiên, vì Hoà Bình có nghĩa chấm dứt mọi chiến tranh dù với hình thức này hay hình thức khác, thì tại sao chủ trương Hoà Bình lại chuẩn bị chiến tranh. Nhưng nếu xét cho cùng, ta thấy bất cứ trong công cuộc thực hiện Hoà Bình nào cũng cần phải đánh đổi bằng một cuộc chiến đấu gian hiểm. Nếu không có trận tiếm giới đại chiến thứ hai giải quyết thì làm thế nào Quân Đội Đồng Minh có thể làm tan rã được hàng ngũ của phe Phát Xít để văn hồi trật tự và Hoà Bình thế giới. Do đó muốn tranh thủ Hoà Bình, hững ta phải chuẩn bị chiến tranh. Dù muốn dù không trước hiểm hoạ xâm lăng của Cộng Sản, chúng ta cũng phải tranh đấu quyết liệt để giành lấy phần thắng lợi cuối cùng và đem lại hoà bình cho dân tộc.

Một câu tướng đã nói : « Không bao giờ có Hoà Bình không chiến đấu, không bao giờ có một nền tự do không gian hiểm ».

Ta thấy đây là những lời khuyên nhủ rất có giá trị cho các cấp chỉ huy Quân Đội cần đề cao cảnh giác trong mọi trường hợp.

II. — THÂN BÀI. —

Trẻ thực tế đã chứng minh không có một cuộc Hoà Bình nào đạt được đến kết quả mà không đòi hỏi một cuộc chiến đấu gian khổ. Thử nhìn lại quá trình tranh đấu của dân tộc, ta nhận thấy nền độc lập của quốc gia hiện nay đã được xây dựng bằng bao nhiêu xương máu của biết bao chiến sĩ tiên phong

trong công cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Tầm gương sáng muôn đời của Nguyễn Thái Học và những anh hùng, liệt sĩ chịu rơi đầu ở đất Yên Bái. Những trang nghĩa sĩ Cần Vương vì nước quên mình trong công cuộc chiến tranh chống thực dân Pháp như Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Phạm Hồng Thái, Trương Công Định, Thủ Khoa Huân, Thủ Khoa Nghĩa, Thiên Hộ Dương, Nguyễn Trung Trực... Và gần đây những nhà cách mạng tiền bối như Phan bội Châu, Phan chu Trinh... đang biến trọn cuộc đời cho (cuộc cách mạng) sự vinh quang của Tổ quốc, cho nền Hoà Bình của dân tộc.

Hơn mười năm trời tranh đấu gian lao nhân dân ta vừa mới khôi phục được chủ quyền, nhưng vẫn chưa thực hiện được hoà bình trên đất nước vì âm mưu chia cắt gian sòn của bè lũ Thực cộng.

Vừa mới khôi phục chủ quyền, lại chưa thoát khỏi tình trạng kém mớ mang. Quốc Gia Việt Nam đã phải đương đầu với giặc xâm lăng Cộng Sản. Tuy với nhiều cố gắng chính phủ đã thực hiện được một phần quan trọng trong chương trình kiến quốc và cứu quốc nhưng lãnh thổ vẫn còn bị chia cắt, trật tự và Hoà Bình vẫn chưa vấn hồi trọn vẹn trên đất nước thân yêu.

Hiện nay một mặt dùng bạo lực để không bỏ dân lành gieo rắc tang tóc khắp nơi trong dân chúng, một mặt Cộng Sản dùng những lời tuyên truyền xảo trá để lừa bịp đồng bào bằng những luận điệu điều ngoa để mong thừa cơ hội nuốt trứng phần đất tự do ở miền Nam. Chúng ta không thể nào để cho Cộng Sản lợi dụng tuyên truyền ve vãn một cách dễ dàng được. Mọi công dân đều tự hảy có bốn phận đề cao cảnh giác và thận trọng trong mọi hành động, nhưt là các cấp chỉ huy quân đội cũng như các chiến sĩ Cộng hoà. Lợi dụng Hiệp Định đình chiến Genève, Cộng sản đã di chuyển quân đội của h qui từ miền Bắc vào Nam phá rối, đề rồi phao truyền miền Nam dân chúng không được tự do, yên ổn làm ăn. Cuối cùng chúng lại đưa ra giải pháp hiệp thương đời sống chung Hoà Bình, nhưng sự thật thì chúng chuẩn bị chiến tranh để âm mưu thôn tính miền Nam. Những ngón sỏ trường só còin vuốt ve của Cộng sản không thể lừa bịp được một ai. Đã chứng là một số người vượt tuyền đi tìm tự do càng lúc càng đông, chứng tỏ một

SOI GƯƠNG KIM - CỎ

TỪ CÁI LIẾC MẮT Tổng tình

đến

NỤ CƯỜI

của

GIAI

NHÂN

*

Trong Cung-oán Ngâm-khúc của Ôn-
Như-Hầu Nguyễn-Gia-Thiều có câu :

Khỏe thu ba gợn sóng khuyên thành.

Trong Kiều của Nguyễn-Du cũng có câu :

Một hai nghiêng nước nghiêng hành

Điện-tích « Khuyên quốc Khuyên thành » đã nổi lên hiệu-lực vận năng của cái liếc mắt tổng tình và nụ cười của giai-nhân còn hơn là trăm vạn quân thù. Điện-tích này đã rút trong lời thơ của Lý-Diên Niên đời nhà Hán như sau :

Bác phương hữu giai-nhân,

Tuyệt thế nhi độc-lập,

Nhất cổ khuyên nhân thành,

Tái cổ khuyên nhân quốc,

Khởi bất tri !

Khuyên thành dữ khuyên quốc,

Giai-nhân nan tái đắc.

LUẬN...

(Tiếp theo trang 18)

lần nữa chế độ độc tài đảng trị Cộng sản không thể phình phở đối gặt được ai. Ngoài miệng thì rêu rao tuyên truyền Hoà-bình chung sống, nhưng bên trong ngầm chứa những âm mưu xảo trá để thực hiện một âm mưu.

Chúng ta không thể nào tin theo lời ve vuốt của Thực Cộng để xây dựng Hoà bình trên bãi cát. Hoà bình thật phải đánh đổi bằng tất cả nghị lực của khối óc, con tim hay được xây dựng bằng sự tranh đấu, rường kỳ gian khổ của toàn dân ta. Nền hoà bình phải do chính chúng ta tạo thành thông gian khổ mới có ý nghĩa và giá trị thiết thực. Không có một nền Hoà bình nào mà không chiến đấu cũng như không có nền tự do nào mà không gian hiểm, đúng theo câu tục ngữ trên.

III. — Kết Luận

Chúng ta không thể quên được câu tư tưởng Pháp : « A Vaincre sans Péril ; on triomphe sans gloire ». (Chiến đấu không gian hiểm, thành công không vinh quang). Ta nên nhớ luôn luôn nền Hoà bình không phải đương nhiên mà có, mà Hoà bình chỉ là kết quả của những cố gắng không ngừng của những hoạt động, chực chờ và của cuộc chiến đấu gay go, nguy hiểm. Muốn cho nền hoà bình sớm trở về trên đất nước Việt Nam, chúng ta phải tích cực hoạt động chống lại kẻ thù dân tộc Thực cộng, thực hiện cho kỳ được nền dân chủ pháp-trị dù với bất cứ giá nào, đem lại sự tự do cho con người trong một xã hội công bằng và bác ái. Lúc bấy giờ chúng ta đã có một nền Hoà bình thực sự mà mọi người công dân đang mong muốn.

SOI GUƠNG KIM CỎ

nghĩa là : Phương bắc có người con gái đẹp.

Nhất thời không ai bằng.

Một lần liếc mắt thì nghiêng thành,

Hai lần liếc mắt thì nghiêng nước.

Không phải không biết thành nghiêng nước đổ.

Nhưng người đẹp khó gặp lại.

Trong Kinh Thi cũng có câu :

Triết phụ thành thành, triết phụ khuyển thành

nghĩa là : Người đàn ông có mưu lược dựng nên thành,

Người đàn bà đẹp làm thành nghiêng đổ.

Nhưng tại sao cái liếc mắt và cái nụ cười của người đẹp lại có một tác dụng to lớn như vậy ? Chúng ta hãy đi tìm hiểu.

Cái nhìn nghiêng thành đổ nước của Tây-Thị

Sau khi bị thảm bại dưới tay của Ngô Phù-Sai, cháu đích tôn của Ngô-Vương Hạp-Lư tại Cối-Kê, Việt-vương Câu-Tiền và vợ phải bị bắt về nước Ngô đã phục dịch cho Phù-Sai, như một tên nô lệ. Nhờ kẻ của Phạm-Lãi Câu-Tiền giả làm kẻ nô lệ trung kiên với Phù-Sai nhất nhất đều tuân theo lời phân truyền của Ngô-Vương. Câu-Tiền đã phải nhục nhã nếm phân để đoán bệnh cho Phù-Sai, cũng theo lời chỉ dạy của Phạm-Lãi. Nhờ sự cù cung tận tụy này mà vợ chồng Việt-vương Câu-Tiền được tha về. Mười chỉ phục thù, Câu-Tiền ngày nếm mật nằm trên gai cương quyết dù với bất cứ giá nào cũng phải rửa nhục cho được cái nhục Cối-Kê. Nhờ hai kẻ nư nhân là Văn-Chung và Phạm-Lãi, Câu-Tiền ngày đêm sắp đặt mưu kế rửa hận. Dù đã nhiều tập binh mà đầy đủ, lương thực dồi dào, nhưng Câu-Tiền vẫn còn e dè trước binh lực hùng hậu của nước Ngô. Văn-Chung và Phạm-Lãi đề nghị nên lựa gả một con gái của nước Việt cống hiến cho Phù-Sai xây cung điện nguy nga, làm cho nước Ngô hao tổn của kho trong việc xây cất. Lại tìm nhiều con gái đẹp dâng cho Phù-Sai, quyến rũ Ngô-vương đắm mình trong cuộc truy-hoan, tất sẽ bỏ bê việc nước. Một mặt khác, lựa trong số mỹ-nữ một kẻ trung kiên để thi-hành « mỹ nhân kế ». Giai nhân

được tuyển chọn phải có một nhan sắc phi-phàm, rành đủ các ngôn ngữ, thi họa, ngày đêm phải kẻ cận bên mình Ngô, Phù-Sai bày ra những điển yển, múa hát để cho việc quân-binh xao-lãng, việc nước biếng trễ, xa lìa các tể tướng. Nếu kế hoạch đã được thực-hiệu đúng như dự liệu nước Ngô sẽ là miếng mồi ngon của nước Việt. Phạm-Lãi có nhiệm vụ đi tìm người đẹp. Sau nhiều ngày tìm kiếm khắp nơi, Phạm-Lãi đã gặp được Tây-Thị và Trịnh-Dân, hai người con gái thiên sắc tuyệt trần. Nhất là Tây-Thị, nàng con gái ở Trư-La thôn, dường như trời đã dành cho tất cả cái vẻ « thiên kiều bá mị » có thể làm say đắm lòng người.

Theo kế hoạch đã định, Tây-Thị và Trịnh-Dân được mang sang nước Ngô dâng lên cho Phù-Sai.

Từ khi Ngô-Vương được Tây-Thị và Trịnh-Dân, tưởng chừng như đã nắm được trong tay hai viên ngọc liếc thành đổ nước. Phù-Sai cho dựng lên Cỏ Tô đất, xuất công quỹ và vàng ngọc châu báu để trang trí cho thêm phần nguy nga tráng lệ. Thật chẳng uống máu : Đức nhà vàng cho người đẹp ở. Vì đã được huấn luyện trước, Tây-Thị dùng cái vẻ đẹp có một không hai của mình làm cho Phù-Sai ngây ngất. Mỗi lần Tây-Thị buồn bực kếm vui, Phù-Sai cũng quyết tìm đủ mọi cách để làm vui lòng người đẹp. Đôi mắt của Tây-Thị dường như đã thu cả hồn lẫn phách của Phù-Sai. Càng muốn gì, thích gì, nhất nhất Phù-Sai đều làm theo không hề dám trái ý. Mỗi lần Tây-Thị nổi giận, mấy liều cau lại, Phù

Sai trong thấy người đẹp càng lòng-lấy thêm lên.

Đã làm vừa lòng Tây-Thị, Phù-Sai đã cấm nhắc không cho quan Tướng-Quốc Ngũ-Tử-Tư vào tận cung khuyên can hành động có hại đến sự an nguy của nước Ngô. Phù-Sai lại cho người mang gươm báu đến tận tư dinh của Tử-Tư, bắt vì khai quốc công thần nước Ngô phải tự tận.

Sở dĩ Việt-vương Câu-Tiền chưa dám động quân, là vì còn nể Ngũ-Tử-Tư người anh-hùng bách chiến bách thắng của nước Ngô. Khi hay tin Tây-Thị đã thi-hành độc kế giết được Ngũ-Tử-Tư rồi, Câu-Tiền như người vừa bắt được báu vật, lập tức mang quân sang công phá nước Ngô.

Trong lúc nước Ngô đang lâm nguy, thế mà Phù-Sai vẫn miệt-mải trong cảnh hoan lạc bên cạnh Tây-Thị, không hay biết điều gì.

Đôi mắt của giai nhân Tây-Thị, giọng cười tiếng nói của nàng khiến cho Phù-Sai mất ngủ mất ăn mà tỏ-tiền, đã dày công gây dựng, nước Ngô bị diệt và cuối cùng Phù-Sai phải tự-tử.

Cỏ-Tô dài bị quân Việt phá hủy, Tây-Thị sau đó được Phạm-Lãi cứu thoát, và cả hai cùng đem nhau dạo chơi Ngũ-Hồ.

Nhưng có bản chép rằng sau khi diệt được nước Ngô, vợ của Việt-Vương Câu-Tiền truyền đem Tây-Thị buộc đá, rồi sai quân-sĩ quăng dưới sông Tiền Đường, vì sợ cái nhan-sắc quyến-rũ và đôi mắt « khuyển thành khuyển quốc » của nàng thôn-nữ xóm Trư-La sẽ làm hại nước Việt một lần nữa.

Văn biết sống mất của người đẹp có tác dụng mãnh-liệt và tai hại như trên, nhưng từ xưa đến nay biết bao người đã lụy mình vì giai-nhân. Nụ cười Bao-Tư làm cho vua Châu-U-Vương thảm bại trước cái nhục mất nước. Cái liếc mắt của Tây-Thị khiến Ngô-Vương Phù-Sai, và cả nước Ngô bị diệt. Lời nói âm-sĩ ngọt-ngào của Diêu-Thuyền xui Lữ-Bố giết cha nuôi là Đổng-Trác, chỉ vì xấu xí tranh-giành người đẹp.

Nhan sắc « hoa nhường nguyệt thẹn » của Dương-Ngọc-Hoàng, tức Dương-Quý-Phi suýt làm cho Đường-Minh-Hoàng mất nước tướng An-Lạc-Sơn điều đứng khổ-sở, vượt ngàn dặm để theo gót giai-nhân đến đất Mã-Ngôi. Và còn biết bao nhiêu người nữa.

Phải chăng chỉ vì câu : « Giai-nhân nết tái đả » ?

Một nhà thơ được nổi tiếng là hào hùng như Nguyễn-Công-Trứ, thế mà đã có lúc đã rên-rỉ như một kẻ si-tình :

Giống ở đâu vô ảnh vô hình ?

Khéo lờ mờ quanh-quần bên mình,

Khiến ngăn ngăn ngỡ-ngờ đủ chứng,

hay :

Tương-tư không biết cái làm sao,

Muốn về mà chơi mà được nào !



Tương-tư người đẹp đến nỗi nhìn bóng trăng mà tưởng chừng gót sen của người, đẹp thoăn-thoắt trên nền cỏ xanh, nghe gió thoảng lại mơ hồ tiếng người đẹp thủ-thỉ bên tai :

Trăng soi trước mặt ngơ chân bước
Gió thổi bên tai ngỡ miệng chào.

Cái giống đa-tình thường không phân biệt thời-gian kim hay cỏ, không chia ranh giới đông hay tây. Những kẻ tình-si đã gặp nhau trong lãnh-vực « yêu đương ». Khóe mắt và nụ cười của giai-nhân quả là đáng sợ và hơn cả những khí giới tối-tàn nhất.

THANH-CHÂU LỤC-Y-LANG



KHẢO-LUẬN VĂN-CHƯƠNG

Nhận-định về lời phê-bình của ông

Vũ - Ngọc - Phan về Tản - Đà :

« TẢN-ĐÀ CHỈ LÀ MỘT THI-SĨ »

Khảo cứu về một thi sĩ hay một văn nhân đã tìm hiểu giá trị văn thơ của họ thiết tưởng không phải là một việc giải phẫu một bệnh nhân. Dùng lý trí để nhận xét một cách tỉ mỉ một tác giả, thì việc khảo cứu có tính toán rất chắc chắn và không thể chối cãi được. Tuy nhiên, cũng vì sự chính xác và chắc chắn đó, đôi khi đem áp dụng trong lãnh vực thi ca chỉ làm mất hồn thơ và sự nhận xét đâm ra lệch lạc hay có tính cách phiến diện. Vì lẽ rất dễ hiểu, hồn thơ không thể dung nạp được sự dùng lý trí để mổ xẻ vấn đề mà phần đông những người của thời đại cũ thường áp dụng. Cái vẻ đẹp liêu diễm và vô cùng sâu rộng của thi ca không thể nào dùng những qui tắc hẹp hòi, những danh từ quá đơn giản để kết thúc lời nhận xét một cách chiếu lệ, hoặc với một tinh thần tặc trách.

Trong những tập phê bình văn thơ của VŨ-NGỌC-PHAN, ông đã có nhận xét về Tản-Đà như sau : « Tản-Đà chỉ là một thi-sĩ ». Chúng ta thử đem ra phân tích một cách tỉ mỉ xem lời phê bình trên có chính xác không.

Mọi người đều công nhận, Vũ-Ngọc-Phan là một nhà phê bình có lối nhận xét rất khoa học và tinh vi về các văn nhân, thi sĩ hiện đại. Nhưng ông Vũ đã phê bình văn thơ với một tinh thần thiên nhiên lý trí. Do đó, lời nhận xét của ông như trên, ta không khỏi cảm thấy lòng buồn ngùi cảm thương cho một thiên tài như Tản-Đà mà chỉ đáng được cho ông Vũ kết luận bằng một câu quá tầm thường nếu không bảo là hơi hợt ?

Từ khi làn sóng văn minh của Tây phương tràn sang dải đất thân yêu của chúng ta, nền Nho giáo bị lung lay đến tận gốc rễ. Học thuật hàm dưỡng của Nho giáo từ trước đến nay đã chiếm một ưu thế trong đời sống văn học nước nhà đã bị lép vế, và nhường chỗ cho chữ quốc ngữ và chữ Pháp. Trước sự đua đòi tranh danh đoạt lợi của tuổi trẻ pần văn học vị ngã đã không còn được xem là quốc hồn, quốc túy nữa. Cuộc đời vật chất đã chà đạp lên tất cả những gì đạo đức : ngay cả đến nền luân lý cổ truyền cũng bị tuổi trẻ coi danh, hạm lợi quên lãng. Những tâm hồn có thiện chí muốn tìm về cùng

với thơ nhạc muốn điều cũng bị đời không dung nạp. Đường đời càng lắm chông gai cho người thi sĩ càng cảm thấy mình như một kẻ lẻ loi hành lang đi giữa sa mạc mênh mông, mặc dầu nắng thiêu lửa đốt ; thế mà không thể nào tìm đâu ra một bóng râm để tạm nghỉ trong giây phút. Cố gắng tiếp tục lộ trình khi gánh nặng phải gầy đồ nửa chừng đó là trường hợp của người thi sĩ núi Tản sông Đà chưa bước chân vào ngưỡng cửa cuộc đời mà đã vấp phải những chướng ngại khó khăn, khiến cho cuộc đời của thi sĩ muốn tìm một nhịp cầu thông cảm vì sự giao nối rất chênh vênh. Tình duyên khiến cho thi nhân gặp nhiều nỗi hờn đau, tủi nhục. Tìm sự an ủi vỗ về của linh hồn bằng những lời thơ tiếng nhạc, thì ác nghiệt thay thiên hạ chẳng buồn đoái hoài. Họ đọc thơ thi sĩ bằng một giọng danh đá, gât gông của một bà mẹ chồng cay nghiệt đối với nàng dâu mới hay những giọng chanh dấm chua ngoa của bà mẹ ghẻ đối với con chồng. Thế là bao nhiêu ước vọng dành tan theo mây khói. Đêm đêm thi nhân chỉ còn biết dựa hồn mình chơi với hòa cùng hồn thơ buồn tủi khóc cho số kiếp long đong.

Đọc kỹ lại lời phê bình của ông Vũ, ta tưởng chừng đó là lời của một người trên đối với kẻ dưới tay : « Tản-Đà vẫn là thi-sĩ ». Lời nói này có tính cách khắt khe rào đón không có dụng ý khuyến khích một thi sĩ gặp nhiều khó khăn trên bước đường xây dựng tương lai. Ông Vũ đưa ra những nhận xét hẹp hòi như trên không hiểu ông đã dựa vào những lý do nào thỏa đáng hay chăng ? Hoặc giả lời nói của ông mà chỉ biểu thị cho một tinh thần cổ chấp của kẻ cổ đối với đàn em. Thiết tưởng muốn có một nhận xét khách quan và chính xác ta cần phải đi sâu vào cuộc đời của Tản-Đà để cho sự nhận xét tránh được tính cách hẹp hòi lượng với sự phân đoán hợp tình, hợp lý. Lời phê bình của ông Vũ nếu có một hiệu lực, một tác dụng mạnh mẽ thì từ trẻ sau này sẽ nghĩ sao khi làm nhầm câu : « Tản-Đà chỉ là thi sĩ » rồi tự nghĩ : thế là Tản-Đà ngoài công việc làm thơ, không thể làm được việc gì hơn nữa ? Thật là mỉa mai chua chát. Sự nhầm lẫn rất tai hại có thể mất thanh danh của một người đã suốt đời hy sinh cho sự bút duyên văn. Vì những lý ấy, tưởng chúng ta cũng cần nên đặt định lại giá trị lời phê bình của ông Vũ.

Tản-Đà chỉ là một thi sĩ ! Như vậy có nghĩa là thi sĩ họ Nguyễn không thể nào đảm nhận công việc của một nhà tư-tưởng, một nhà văn, một tiểu thuyết gia, một triết gia. Câu nói trên còn có nghĩa Tản-Đà chỉ là một thi sĩ, chứ chưa có thể là một nhà thơ hữu hạn. Và chẳng danh từ thi sĩ có thể nói là rất phức tạp. Ai cũng có thể tự xưng mình là thi sĩ được cả. Anh A được một vài bài thơ gửi đăng vào một nhật báo hay một tuần sau được bạn bè ca ngợi không tiếc lời : Anh thật là một thi sĩ có nhiều triển vọng. Lời thơ của anh thật du dương gợi cảm quá ! ! « Chị B bỏ tiền ra xuất bản một tập thơ đầu tay gửi đi biểu bệ bạn và thân nhân khắp trong nước được mọi người khen dào dạt : « Chị thật tài, làm thơ rất hay. Nhiều câu thơ của chị đầu cho các nữ sĩ trước đây cũng phải chịu là xuất sắc nhất ». Thế là chị B đã nghiêm nhiên trở thành một nữ thi sĩ. Cậu C hiện là học sinh của một trường nọ vừa làm xong bài thơ mà mình thích ý nhất đã vội vã đòi reo to : « Minh đã là thi-sĩ còn gì nữa ». Thế là cậu C thấy mũi nở phồng lên và khoe khoang đến cực độ, vì chính đạo nào đọc thơ của Cao Bá Quát mình đã khen Cao chu Thần có lời thơ trong sáng, tứ thơ dồi dào ý thơ siêu nhĩ. Đã có một tâm hồn thi sĩ như thế thảo nào mình chẳng chóng thành thi sĩ. Có người hỏi bạn, anh có biết thi sĩ nào nổi danh nhất tiền bán thế kỷ XIX ? Bạn không ngần ngại đáp ngay đó là thi sĩ Nguyễn-công-Trứ và bạn đọc một hồi dài những câu « Trùng, soi



**Góp
gió
MÙN
PH
U
NG**

Đây là trang **Bạn trẻ** của quý **Bạn I** !
Với mục-dịch : « Kết hợp bạn trẻ trau dồi nghệ thuật, nâng đỡ các mầm non sáng tác văn thơ, ngoài những giờ học tập. Nó được mở mắt chào đời trong bầu không khí đầy căng nẩy sống hai mươi. Nó đang kiêu hãnh vươn mình mạnh mẽ giữa vòm trời khai hội như một ngọn thủy triều ồ ạt dâng lên. Nó là hình ảnh biểu trưng cho sức sống tinh thần của quý bạn nó là tiếng nói chân thành của lớp người văn nghệ sĩ trẻ trong toàn quốc đã, đang và sẽ huy động tất cả sức lực góp phần tô điểm. Và cũng nơi đây, trang « **Bạn Trẻ** » của quý bạn sẽ là một mảnh đất màu mỡ cho việc vun quén những mầm non văn nghệ đầy triển-vọng trong tương lai.

Sau những cơn khủng hoảng vì hành động của một số thanh niên thờ ơ đối mủ quăng, những người có trách nhiệm đưa dắt họ phải chép miệng nói thầm : « Rồi đây thanh niên sẽ đi về đâu ? ». Câu hỏi ấy đang hoang mang trong đầu óc mọi người.

Nay nhìn vào trang văn-nghệ này các bậc cao niên có thể thấy được niềm tin tưởng ở ngày mai mà đã bao ngày qua khắc khoải mong đợi. Muốn cho niềm tin thêm mạnh mẽ quý bạn hãy hăng hái sáng tác gửi về chúng tôi, dù thấy rằng tác phẩm của mình không « hùng dũng như thác băng ngàn, rực rỡ như suối kim-cương, say sưa như hoa đào quện gió... »

Bắt đầu từ hôm nay, **Siếng Học** do một nhóm giáo-sư sinh-viên học sinh đầy thiện chí chủ-trương biên tập, nhằm mục đích phục-vụ văn hóa, giáo dục.

Thì còn chần chờ gì nữa, các bạn và chúng tôi, chúng ta hãy vai bên vai tiếp tục con đường do các bậc đàn anh chúng ta vạch sẵn.

Giờ lên đường của người chiến sĩ văn nghệ đã điểm !

Chúng tôi xin chân thành gửi đến quý bạn trẻ trong toàn quốc lời chào phục vụ

Thân ái,
LINH-LAN-THẢO

(TIẾP THEO TRANG 23)

trước mặt ngơ chần bước. Gió thoảng bên tai ngữ miện chào » hoặc « Hỡi trắng gió gió trắng hờ hững, ngậm cỏ hoa hoa cỏ ngậm ngùi ». Đó thì sĩ Nguyễn công Trứ ngoài những chiến công canh liệt, những lời thơ hào hùng rần-rời, người thi sĩ làng Uy-Viên còn có những lời thơ trữ tình êm nhẹ như trên, đáng được cho mọi người ca tụng và tôn sùng. Ông đã chiếm địa vị bậc nhất trong làng thi vào tiền bản thế kỷ XIX. Và bạn còn thấy : « Đọc những lời thơ tình cảm của thi sĩ làng Tiên Điền trong tác phẩm « **Đoạn Trường Tân Thanh** » như những câu : « Hải đường là ngọn đồng lân. Giọt sương gieo nặng cành xuân là đá » hoặc « Bạc phau câu giá đen râm ngàn mây. Vì lỡ san sát hội may ». Ta thấy một bên nua cân, một bên tám lạng. Và mọi người đều đồng ý tán thành bạn là người có tài và thi ca. Thế là cùng một lúc bạn đưa ra hai nhà thơ lỗi lạc của thế kỷ XVII và thế kỷ XIX. Rồi kết luận : « Cả hai thi sĩ Nguyễn Du và Nguyễn công Trứ đều là tay thần bút, nhưng có một người bạn của tôi vừa gửi tặng tôi một tập thơ đã xuất bản. Xem ra thơ của anh ấy cũng có những lời lẽ sắc tích và có nhiều âm điệu rất hay. Nhưng xét kỹ ra anh bạn thi sĩ của tôi còn kém xa hai nhà thơ lỗi lạc họ Nguyễn. Thi sĩ thật là nhiều và hỗn tạp như thế thảo nào mà danh từ thi sĩ không còn được trọng vọng và được đề cao là phải !!! Như vậy, ta có thể hiểu lý do nào ông Vũ Ngọc Phan đã cho rằng Tân-Đà chỉ là một thi sĩ không hơn không kém (còn tiếp).



do **LỤC-Y-LANG * VÂN-ĐÌNH * LINH-LAN-THẢO**

GIANG-CHÂU TƯ-MÃ phụ-trách

LỜI TÒA SOẠN

Trong mục này, chúng tôi sẽ lần lượt giới thiệu với các bạn học-sinh những : **Tùy-Bút, Truyện ngắn, thơ** và những hoạt động văn-nghệ bạn trẻ của các **Hội-đoàn học-sinh** toàn quốc.

Các bạn có thể gửi ngay về tòa-soạn **Siếng-Học** những bài vở hoặc những hoạt động của **Hội-đoàn** (Nếu có cả ảnh càng tốt), chúng tôi sẽ lần-lượt đăng vào trang dành riêng cho các bạn.

Trên trang giấy nhỏ bé này, các bạn trẻ học-sinh sẽ tìm thấy một nơi hò-hẹn của các bạn trẻ yêu văn-nghệ, thích trau dồi môn Việt-Văn, một môn học giữ địa-vị quan trọng trong các kỳ thi Trung-Học, Tú-Tài và ngay cả bậc Đại-học. Ngoài những giờ cặm cụi ở học-đường, bạn trẻ chúng ta cũng cần có những giờ phút giải-trí bằng những thú tiêu khiển tinh thần, đó là viết văn, làm thơ. Nhưng nói thì dễ mà thực-hành mới chính là điều khó. Mấy ai đã từng lật bút trên trang giấy trinh nguyên, viết lên những dòng chữ đầu tiên để góp phần vào bộ môn văn-nghệ mà không cảm thấy lòng bồi-hồi rung-động. Mình sẽ viết gì đây ? Khởi đầu bằng cách nào ? Lời văn lời thơ vụng dại của mình có làm trò cười cho lũ Lan-đẻ không ? Và còn bao nhiêu câu hỏi khác nữa cứ dồn-dập đến trong trí của kẻ mới bắt đầu cặm bút. Nhưng, các bạn trẻ chúng ta cũng không quên lời nói hữu lý của cô-nhân : Vạn sự khởi đầu nan. Chỉ có bước đầu là khó ! Thực tế mà xét, ta thấy những người đã được đời tặng cho danh-hiệu « **thi hào** », « **thi bá** », « **văn hào** », « **đại văn hào** » v.v... ngay từ buổi đầu tiên cặm bút, chắc hẳn những vị này cũng đã phải qua một thời kỳ « **học sáng-tác** », « **học nghệ thuật cặm bút** » và ít ra cũng đôi ba lần bỡ-ngờ trong bước đầu đi vào con đường làm văn-nghệ. Nhưng làm thơ nghĩa là thế nào ? Chúng ta hãy mượn những văn thơ siêu-thoát của thi-sĩ Hàn-Mặc-Tử để dùng làm định-nghĩa :

Tôi làm thơ ?

Nghĩa là tôi nhả một cung đàn, bấm một đường tơ, rung rinh một lần, ánh sáng,

Và viết văn nghĩa là làm cái công việc gì? Thầy Từ-Cống đã hỏi Đức Không-Tử tại sao Không-Ngũ, tức là Không-Văn-Tử, quan Đại-phu ở nước Vệ lại được đặt tên thụy là Văn? Đức Không-Tử đáp: « Mình muốn làm học, không tiện hỏi người kém mình, bởi thế nên được đặt tên thụy là Văn. » (Mẫu nhi hiệu học, bất si học văn, thị dĩ vị chi Văn dã). Nhưng trước khi viết văn, phải học là: Trien học lễ hậu học văn. Không-Tử cũng từng khuyên các học trò: « Niệp tắc hiếu, xuất tắc lễ, cần chi tĩnh, phẩm ái chúng như thân nhân, hành hữu dư lực, nhiên hậu học Văn. » (Trong nhà phải có hiếu với cha mẹ, ra đường phải kính trọng bậc niên trưởng phải có tính thận trọng phải biết yêu mến mọi người như người thân. Đủ sức làm những việc trên rồi sau mới học đến văn.)

Như vậy, muốn học văn, theo Không-giáo phải là người hiếu-đễ có tính cẩn-thận, có lòng nhân-từ nghĩa là người học văn phải có những đức tính tốt. Ta thấy người xưa rất chú-trọng việc học chữ, và rất thận trọng trong việc lựa chọn học trò. Cho nên, khi một người cầm bút lên viết là đặt tất cả danh-dự của một con người trên những dòng chữ viết, tránh việc nghĩ quấy, tránh lợi dụng sự viết văn của mình vào những hành-vi nhố nhăng làm bần-thiêu ý nghĩa cao-đẹp của chữ « văn » đã nói trên.

Theo định-nghĩa tổng-hợp các định-nghĩa về chữ « văn », chúng ta có thể có một định-nghĩa về « viết văn », như sau:

Viết văn là áp-dụng một phương-pháp để biểu-hiện và đạo đạt tình cảm của con người, nói lên tất cả những gì mà ta nghĩ ngay cả những cảm nghĩ thầm kín nhất.

Cái nhiệm vụ của người cầm bút chân-chính ở trong trường-hợp nào, hay ở hoàn-cảnh nào cũng không cho phép họ dùng sự viết lách để thực-hiện những hành-động đi ngược lại sự cao-đẹp và ý nghĩa thiêng-liêng của một « nhà thơ », một « nhà văn ».

Ở đây, chúng ta không đề-cập đến những người đã bỏ mất lương-tâm cầm bút từ lâu chỉ vì tiền, chỉ vì mục-dịch chính-trị xoi-thị, và chỉ vì 1001 cái lý-do khác mà họ viết dẫn đề cho đỡ ngượng cái mồm, hay đúng ra là để đỡ ngượng với cái ngòi bút mà ngày mới cầm bút họ đã thề là sẽ nói « thẳng mực tàu » dù có « đau lòng gỗ » chẳng nữa. !!!)



Bạn trẻ chúng ta, dù chỉ mới chập chững trong việc làm thơ, viết văn, nhưng chúng ta cương-quyết không yếu hèn, mơ mộng viễn-vọng, không để cho bản ngã sa-đọa truy-lạc để tự hủy-diệt đời thanh-niên của mình một cách đau-thương. Chúng ta sẽ tập có thói quen tốt, và gạt bỏ những thói quen xấu.

Theo « Théodore Banville », một thi-sĩ Pháp nổi tiếng ở hậu bán thế kỷ XX, thơ là một sự phối-hợp của tất các nghệ-thuật. Trong lời thơ, ta tìm thấy nhạc-điệu, âm-điệu, hội-họa, tình-cảm.

« La poésie est à la fois musique, peinture statuaire, éloquence ; elle doit charmer l'oreille, enchanter l'esprit, représenter les sons, imiter les couleurs, rendre les objets visibles et exciter en nous les mouvements qu'il lui plaît d'y produire : aussi est-ce le seul art complet nécessaire, et qui contienne les autres ».

(Thơ vừa là nhạc, là hội-họa, là nền tượng, là sự hùng-biến ; thơ phải làm cho âm tai, làm cho thích trí, ghi nhận những âm-thanh ; và lại được những màu sắc, khiến cho trông thấy được những

điều vật và kích thích những rung động mà thơ tự tạo nên : bởi vậy, chỉ có thơ là một nghệ-thuật hoàn-hào, cần thiết và chứa đựng tất cả những nghệ-thuật khác)

Theo « Horace » thơ đã cùng một lúc làm hai công việc : giáo dục và giải trí. Thi-sĩ La-tinh này đưa ra hai tiêu-chuẩn để thực-hiện hai việc trên : ngắn gọn và có tính-cách giáo-huấn.

« La poésie veut instruire ou plaire ; parfois son objet est de plaire et d'instruire en même temps. Pour instruire, sois concis ; l'esprit recoit avec docilité et retient fidèlement un court précepte ».

(Thơ vừa muốn giáo-dục vừa muốn cho vui thú ; đôi khi nó nhằm cả hai mục-dịch. Muốn rèn dạy, khuyên bảo, cần phải văn tắt ; một lời giáo-huấn ngắn gọn dễ làm cho người đọc sẵn lòng ghi nhớ kỹ.)



Theo « Shelley », một thi-sĩ Anh ở thế kỷ 18, thơ không phải là sự suy-lý, không hành động theo sự sai khiến của ý-chí, mà là phản-ảnh trung-thực của con tim, của khối óc được tạo thành trong phút giây hứng khởi của tâm hồn.

« La poésie n'est pas comme le raisonnement, une faculté qui ne s'exerce que selon la détermination de la volonté. . . . J'en appelle aux plus grands poètes du temps présent, n'est-ce pas une erreur de prétendre que les plus beaux morceaux de poésie sont le fruit du travail et de l'étude? »

(Thơ không giống như sự suy-lý, một khả năng chỉ hoạt-động theo sự sai khiến của ý-chí. Tôi xin hỏi các bậc thi-hào

Hiện-đại, phải chăng là một sự nhầm lẫn khi nói rằng những bài thơ hay nhất đều do kết-quả của sự gọt dũa và nghiền ngẫm học hỏi mà thành ?)

Goethe, một đại thi-hào Đức quan-niệm rằng muốn làm thơ không phân-biệt giai-cấp sang hèn, nhưng người làm thơ phải có một điều-kiện tất yếu : thiên tài.

« Le don poétique peut échoir au paysan aussi bien qu'au gentilhomme. Pour devenir un bon poète et un bon peintre, il faut avoir du génie, ce qu'on ne saurait communiquer. »

(Tài làm thơ có thể là do thiên-bẩm mà tạo hóa đã phú cho người nông dân cũng như nhà quý-phái. Muốn trở thành một nhà thơ tên tuổi, một họa sĩ có tài, phải có thiên tài điều mà không ai có thể truyền thụ được.)

Sau cùng, ta có thể tìm thấy « chất thơ trong quan-niệm của « Diderot », là một cái gì cao-quí không cầu kỳ gò bó, và bao hàm một sự phóng-khoảng, một cái gì rất thiên-nhiên không mang tính-chất giả tạo.

« La poésie veut quelque chose d'énorme de barbare et de sauvage. »

(Thơ đòi hỏi một cái gì vĩ-đại, man-rợ và hoang-dại.)

Với một tâm hồn trong trắng hồn-nhiên của tuổi trẻ đầy hứa-hẹn, các bạn trẻ chúng ta sẽ tìm thấy những niềm vui chân-thành, những sự an-ủi vô-và trong việc sáng-tác thơ-văn, với mục-dịch nâng cao tiếng mẹ trong phạm-vi học đường và tìm thấy sự thoải-mái sau những giờ cặm-cui trong phạm-vi học-hỏi, nghiên-cứu. Cùng mục-dích cao-đẹp ấy, bạn trẻ chúng ta sẽ gặp nhau trong kỷ tới cũng trên trang giấy hứa-hẹn này.

NHÓM « BẠN TRẺ SIẾNG-HỌC »

••• THUY - DƯƠNG •••

CÁT

TRĂNG

Bạn nghĩ gì về Huế, đất Thần-Kinh với núi Ngự-Bình, với giòng Hương Giang lặng lẽ thơ mộng ?

Huế đẹp của chúng ta.

Huế thân bí của người thời cũ với những di tích ngàn xưa !

* LINH-LAN-THẢO *

Vì Huế là cố-đô thơ mộng đang trầm mặc trong chiếc áo thầy tu huyền nhiệm, trong nhịp thở đều đặn nhưng bí hiểm muôn đời ?

Mỗi lần nổi đến Huế người miền Nam lại nghĩ ngay đến sông Hương núi Ngự Bình. Tuy hình ảnh của xứ Thần-Kinh quyến rũ kia chưa lần nào đến qua khung mắt nhưng từ trong âm-lưỡng của những tiếng ấy đã nói lên nhiều ấn tượng thiêng liêng nhạy cảm như đủ sức khơi bùng tiềm thức suy tưởng của những ai chưa lần nào đặt chân đến Huế. Huế là tất cả. Ở đó, nhà vua cho mình là Thiên-tử là con Trời, thay xuống chốn, trị con dân. Nơi mà vua ngự trị phải đầy đủ những nét phong-quang huy-vĩ để tự nó thể-hiện đúng vai trò độc tôn bất khả xâm phạm của chốn địa linh danh kiệt, cõi của rồng vàng nhón như đưa lướt. Cảnh đẹp, người đẹp, thành quách lâu đài trang trọng khép mình trầm lặng như cái đáng u buồn của người thiếu nữ

thùy mị phương Đông. Và còn gì đẹp hơn cảnh núi rộng, sông dài chìm sâu dưới bầu trời tiết :

*Nắng hạ giữa mùa thu,
Sương mù trong bóng nắng.*

Huế ngày xưa ẻo là với nét đẹp cổ kính của diêu trúc, nhành mai, Huế ngày nay trường thành trên từ tường nhưng hình thức cũng vẫn là nơi tịch mịch trang nghiêm và phồn hoa đô hội. Núi Ngự-Bình từ xa thấp-thoảng nằm sừng-sừng như tấm bình phong ngay gần đối diện cùng giòng nước Hương-giang lơ dờ trôi, điểm tô cho Huế bắt từ với thời gian như một bức tranh truyền-thần sống thực. Rồi những đêm hè Thần-Kinh bàng hoàng trầm trọc vì « sức nóng nung người, nóng nóng ghê », một cảnh-tượng thần tiên thơ mộng lại có dịp diễn ra trên bến dưới thuyền. Những giọng hát ồm-ồm, những điệu chào đón-đón, nhịp-nhàng, là lướt linh hoạt ngàn dài phát đi từ trên những con đò bằng bành, lơ lửng giữa dòng sông nước trong xanh, quyến rũ người khách lạ đa tình vào giấc mộng mơ màng. Những đêm huyền bí trên sông đó, du khách có dịp nhìn một khung trời sâu thẳm mịt mùng diệu vợi, nhìn cổ đô qua màn đêm mập mờ, lại tự hỏi phải chăng do những hình ảnh của thành quách lâu đài con đẻ của một thời xa xưa u-tịch mà cổ đô ngày nay thái ngán lăm chuyện kỳ hoặc lạ-lùng ?

Thật vậy, không làm sao khỏi bàng hoàng như vừa chợt tỉnh cơn mê lạ lùng, khi đi vào lòng Huế. Đó là chúng ta vừa hồi hộp tiến sâu vào đường âm-hồn rồi lại thê-mắc khi nghe người ta mới đi ăn bữa cơm âm phủ và đâu đây vắng vắng giọng hát khàn-khàn của cụ đồng xác bóng với tiếng trống « tung » inh ỏi gọi hồn thành thất, lắc lư cái xác... thượng Ngàn áo xanh khăn đỏ.

Bây giờ những ma thiêng thần-bí đã mờ dần trong ký vãng. Cũng như giọng hò mái

đầy ngân dài trên sông vắng mờ màng cơ hồ loãng tan, chìm mất vào lòng thời gian vụn vút ! Huế ngày nay không là Huế của ngàn xưa. Những đêm trăng óng ả đẹp trời, những làn gió mát từng cơn không còn gieo vào lòng khách những tư-tưởng siêu thoát mơ hồ nửa tiền nửa tục. Trước những đối tượng đậm-thấm đó gợi lên trong lòng khách trần tục những vòng tròn linh-động diễn tiến, trường thành trên mặt nước phẳng-lì rồi ngược mặt lên trời hướng về đỉnh Ngự bắt giắc cười lên khàn khản. Nhưng khách giật mình vì giữa cảnh hồ liêu hoang vắng lại thoáng hiện từ những tiếng thầm tức-tức, cái giọng quen thuộc của Quảng-Bình gọi theo hơi gió về đây :

*Núi Ngự không cây chim đậu đất,
Sông Hương vắng khách đã kêu trời !*

Huế ngày nay vẫn còn giữ vẹn trong lòng mọi người những lưu-luyến êm mơ, những âm-hưởng nhẹ nhàng gợi cảm không phải vì Huế là thành cảnh có cái đẹp thời đại nở nang như hình tượng của người thiếu nữ Tây-Phương với một Brigitte-Bar, dot hay Elyzabeth Taylor ; mà chỉ vì Huế còn giữ vẹn nét đài trang, nên thơ trong dáng điệu kín đáo, rụt rè của người thiếu phụ Á-Đông trầm lặng với những đàn dài cùng điện nguy nga tráng lệ, những cổ tích rêu phong của một thời xa xưa tịch-mịch, cùng những trang sử bi hùng được diễn đạt một cách tình tứ, ý nhị qua câu hát điệu hò bằng những cảm nghĩ hết sức chân thành của Đại-chúng bình dân có tâm hồn nghệ-sĩ :

*Thành xưa dấu cũ mơ màng,
Muôn màu rực rỡ giăng trên mây miếu.*

Nếu tình yêu tuổi trẻ vẫn ngự trị trong tâm khảm của thời xuân sắc tròn mộng, cái bất diệt say sưa hừng cảm yêu đời ngập nắng hồng trên lối đi hướng thượng thì vẻ đẹp thiên nhiên cũng có mãnh lực tác động con tim say cảm của những chàng văn nhân-thí sĩ phải ngây ngất xuất thần

tác tạo những bức tranh sống động, lộng lẫy qua nét dẹt tuyệt luân dùng toàn đường tơ tư tưởng :

*Để đo ăn bóng chiều tà,
Giòng Hương sông lặng đôi bờ xinh xinh.*



Và Huế không phải là Huế nữa, nếu không có những lãng tâm là cõi sống của lớp người quá vãng. Trên lối mòn ngóng ngoào của đường dẫn đến thăm u, bên bờ sông xuôi chảy lơ dờ vọng lại từ những điệu hò trầm buồn mà cô gái đất Thần-kinh duyên dáng nắn giọng :

*Đồng Pa, gia Hội hai cầu,
Có chùa Diệu Đế bốn lầu hai chuông.*

Cô gái Huế lúc nào cũng thích ca tụng quê hương yên ả của họ. Những buổi chiều người khách lãng du dừng chân nơi đây đã chiêm ngưỡng vẻ của tôn nghiêm được màu thiên tôn - giáo thoát tục sẽ không khỏi bồn chồn khi lắng nghe giọng hát từ xa lạnh lạnh cất lên.

ĐK Thừa Thiên
Trại hiền gái lịch
Non xanh nước biếc
Điện ngọc sông trong
Tháp bảy tầng
Thánh miếu chùa ông.

Một phần lớn chùa, tháp đã có công tô điểm cho Huế. Thị ca của Huế ít nhiều đều phản ánh đối tượng u buồn của những ngôi chùa nơi bắt nguồn dư-vang của tiếng chuông cảnh tỉnh trần tục, cái đẹp ngàn chương của tâm tưởng khi thực tại nào nề, chán chường vì nhiều phũ phàng con người muốn tìm về với Đạo :

Gió đưa cành trúc la đà,
Tiếng chuông Thiên Mụ canh gà
thọ xương.



Huế là một nhân chứng lịch sử. Huế là hình ảnh dịu hiền đã thi nhân làm đối tượng suy ngẫm pha hòa màu sắc, vẽ thơ sâu lai láng yêu mơ.

Nói đến Huế, còn gì đúng hơn dưới nhận xét và cảm tưởng của một thi-nhân ngoại quốc :

— Huế là nơi « tang tóc mỉm cười vui tươi thôn thức » (Le deuil sourit, la joie soupire).

Điều đó dĩ nhiên, vì bên cạnh thành phố, Đê đô sầm uất của người đang sống phải cần có một giang sơn thần bí dành cho những người đã chết. Và như thế giữa sự sống và cái chết mới có ý nghĩa. Đạo lý cổ truyền Á Đông cũng nhận như « Sinh lý tử qui ».

Ngày nay Đê đô ấy chỉ còn lại cái « tang tóc mỉm cười » trở lại tấm hồng nhan xưa cũ vì đất thần kinh ấy đã chứng kiến biết



bao lần hưng vong trong lịch sử. Nhưng điều làm cho Huế bất tử cũng vẫn là vẻ mơ-màng trầm lặng, tịch mịch cô liêu với lãng nghiêm cổ kính, với thành quách rêu phong xa mờ, với giòng Hương giang lặng lẽ làm nổi bật chiếc cầu Trường-Tiểu được tô điểm bằng tà áo trắng phất phơ dưới chiếc nón bài thơ nghiêng vành của những cô nàng nữ sinh xứ Huế.

LINH-LAN-THẢO
TRẦN-ĐÌNH-BỬU

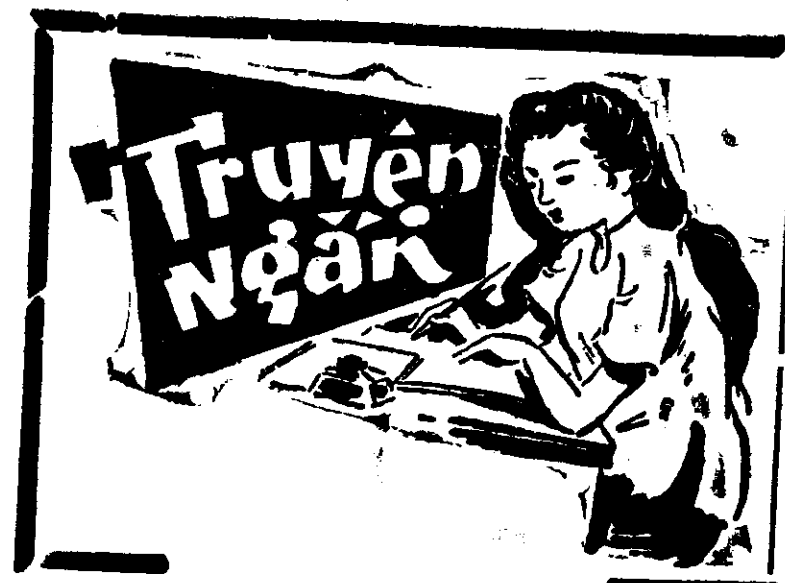
Cười... ? Khóc... ?

THƯỜNG GẤP ĐÔI

— Trò Tý bảo trò Tẹo : « Tao nghe nói trong lịch sử vú của bà Triệu-Âu dài đến ba thước mỗi khi nait nịt ra trận bà phải quấn quanh mình. Nghe lạ quá phải không Tẹo ? »

— Tẹo đáp : « Giá mà bà Triệu bây giờ còn thì chắc được thưởng gấp đôi trong các cuộc thi hoa hậu quốc-tế rồi, vì ban giám-khảo chọn hoa hậu hay đo hông, đo ngực. Mà ngực như thế thì « Number one » o. k. chắc mềm rồi còn gì. »

— Tý ? ?



MẢNH BĂNG

ĐAM MẪU

Sau khi được mẹ già cho phép, tôi lên đường đi Nha Trang.

Chiếc xe đồ, như một con ếch vọt không lồ cứ vùn vụt tiến mau. Cây cỏ hai bên đường thì nhau chạy thụt lùi. Gió hù hù thổi làm mất rượi lòng người du-khách. Hơn nửa ngày trời, ngồi bó gối trên xe đồ

HÀN-NAM-NH

Hà năm 87, 195... tôi nhận được thư của anh chị tôi, trong đó có một đoạn « Nếu rảnh, em ra ngoài này đồi gió vài tuần ». Mặc dù không được rảnh lắm, nhưng khi nghĩ đến Tỉnh thành mà nhạc-sĩ Minh-Kỳ đã viết : « Là miền quê hương cát trắng, âm ỉ tiếng sóng xe đưa ». Nhất là không còn gì sung-sướng và thích thú bằng được gặp lại những bạn học cũ. Đề rồi cùng nhau, những buổi sáng hè, chúng tôi đùa trong nước biển. Và khi vắng thái dương nhô lên khỏi chân trời, chúng tôi lại lẫn mình trên cát trắng. Lúc đi thăm Cầu Đá nhìn giòng nước xanh thăm thẳm, cá lội nhớn nhớn ; khi viếng Tháp Bà đề tưởng niệm một thiếu-phụ vì chung tình mà phải rời thầy nơi đất khách. Đây 1 thắng cảnh Hòn Chông, kia là Hòn Vẹ, nọ Hòn Con-muôn ngàn đời vẫn thi gan cùng luống nguyệt. Nghĩ đến đây, lòng tôi rạo rạo, sao sao

tôi đến Nha Trang vào khoảng 16 giờ. Quê không thẹn với lời đồn là « Thắng cảnh miền Trung-Việt », thành phố Nha Trang vào buổi chiều rất nên thơ. Và cảnh thi-vi ấy đã quyến rũ tôi là chân trên đại lộ Gia Long, Tới ngã sáu nhà thờ, tôi quẹo qua đư ng Phước Hải. Vừa rẽ vào ngõ hẻm đi vào Xóm Giã, tôi bỗng đứng khựng lại, vì từ trong một đám tang đang tiến ra. Phía sau linh cữu là một bà cụ già, tay nắm một

đứa bé gái lồi chùng năm tuổi với những tiếng khóc than thảm thiết. Bên cạnh bà là một thiếu nữ vận y phục đen, gương mặt ủ rũ, giọng tức tưởi nghẹn ngào. Nghiêng trang và lặng-lẽ theo sau, một giáo-sư và vài chục học sinh sắp thành hàng, đi song song bên nam, bên nữ. Cuối cùng là một đoàn xích lô chậm chậm đi theo đưa tang.

Điều khiến tôi chú ý là : tất cả những người đưa đám, cũng như những kẻ đứng trước nhà đọc theo bài bên đường đều sụt sùi rơi lệ. Sau khi kính cẩn nghiêng mình chào linh cửu, tôi vội rào bước tìm đến nhà anh tôi. Tôi định sẽ hỏi anh tôi cho biết chuyện đám táng kia, vì trong lúc ấy mọi ý nghĩ đã hiện tỵ trong óc tôi : Phải chăng người xấu số nằm trong chiếc quan tài kia là cả một câu chuyện thương tâm ?

Sau buổi cơm chiều, bên ly trà nóng, vớ giọng trầm buồn, anh đã cho tôi biết đầu đuôi chuyện như sau :

Hiếu ! Kể bực mệnh năm trong chiếc quan tài kia chính là Trần-nhi-Hiếu. Anh vừa đúng 20 tuổi, là một học-sinh chăm học, thông minh, kiên-nhẫn, giàu nghị-lực thể mà trở trêu thay, con người tài hoa ấy đã sớm lìa bỏ cõi đời trong lúc má tóc còn xanh.

Cùng với em gái vừa mới lên năm là Hạnh, hai anh em Hiếu sống trong túp chòi tranh với một người mẹ hiền. Sinh kế của ba mẹ con chỉ trông cậy vào nghề làm giá.

Mỗi buổi sáng, Hiếu phải gánh giá ra chợ. Xóm Mòi đề mẹ già ngồi bán. Ngoài

việc làm giá ra, gia đình Hiếu không còn công việc nào khác để thu lợi vào. Gia cảnh vì thế rất túng bấn, chật vật. Mặc cho cảnh thiếu trước hụt sau, bà Tư mẹ Hiếu vẫn ráng cố-gắng lo cho con theo đuổi việc bút nghiên. Hiếu đã theo học lớp Đệ-Tứ Trường Trung-Học Công-Lập Võ-Tánh Nha-Trang.

Để đền đáp phần nào sự hy-sinh cao-quý của từ mẫu, Hiếu đã tỏ ra là một học-sinh gương mẫu, chuyên cần học hỏi.



Kết quả ba niên học vừa qua, Hiếu đã lãnh được ba giải thưởng ưu-hạng và danh dự. Với vẻ mặt khôi-ngô, tánh tình hiền hòa, Hiếu đã chiếm được cảm tình của hầu hết các bạn cùng lớp. Những người khó tính đến đâu mà đã được tiếp chuyện với Hiếu một vài lần cũng đều công nhận anh là một học-sinh khá-ái.

Hoa phượng vĩ sắp nở, tiếng ve sầu kêu rộn rã đó đây, Hiếu lo ôn bài để chuẩn bị ngày thi. Trong lúc đó, vì tuổi già sức yếu. Bà Tư mẹ của Hiếu nay đau mai-mạnh. Dù đã cố gắng nhiều, nhưng sức người có hạn, Bà không thể tiếp tục công việc buôn bán hàng ngày. Mẹ già đau, em còn nhỏ dại, Hiếu phải gánh lấy trách nhiệm gia đình. Nghĩ học để lo cuộc mưu sinh cho gia đình ư ?

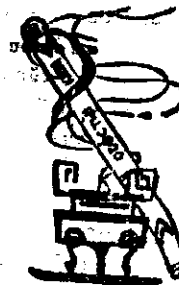
Tư tưởng Danh-nhân

— Thi ca và nghệ-thuật duy trì lòng tin sâu xa của con người trong sự hòa hợp bản chất với tất cả những cái gì hiện hữu mà chân lý tuyệt đối là cái chân lý của nhân-vị. Đó là một tôn giáo dễ hiểu chứ không phải là một hệ thống siêu-hình-học mà ta phải phân tích và bàn luận.

(Rabindranath Tagore—La Religion du Poète, Page 31)

Như thế Hiếu sẽ bỏ dở việc học và lại cũng đã gần đến ngày thi. Nhưng thuốc trong siêu của mẹ đã cạn, gạo hết tiền không! Trong trí Hiếu lúc bấy giờ bao nhiêu những ý nghĩ đang quay cuồng. Lòng tốt của những người láng giềng cũng đã khiến cho bộ óc của Hiếu làm việc không ít. Nghĩ đến Hiếu bàng hoàng xúc động. Chỉ bấy bán chạ, Chú Tám xích lô, mỗi lần ghé thăm bà Tư, đều mang tặng một vài quả cam, ít hộp sữa. Hiếu vô cùng ái ngại vì gia đình họ cũng không được dư dả gì.

Sau khi cân nhắc đắn đo, Hiếu đã quyết định. Ban ngày là Hạnh chăm nom cho mẹ, Hiếu đến trường. Đem về, trong khi các bạn lo ôn nhuần kinh sử hay giải trí đủ đây thì Hiếu phải cặm cùi trong chiếc xích lô mượn của chú Tám để kiếm tiền nuôi mẹ già em gái.



Đem đầu tiên, sau khi nghe rõ ý định của Hiếu chú Tám phải ngẹn ngào rơi lệ. Chú đã đưa Hiếu lên bến xe để nơi mà anh em xích lô tụ tập. Chú trình bày hoàn cảnh của Hiếu và yêu cầu anh em giúp đỡ để Hiếu được dễ dàng trong việc tìm kế sinh nhai. Nghe qua câu chuyện, đứng mỗi từ tâm, tuy nghèo nhưng giàu lòng nhân ái, anh em phu xe đã đồng ý : chuyển xe đồ về người khách đầu tiên là phải nhường cho Hiếu. Thật là « Những quả tim vàng trong manh áo rách ». Nghe xong quyết định của anh em, Hiếu ò cùng cảm động. Anh muốn nói lên hai tiếng cảm ơn mà thốt chẳng ra lời. Tí là Hiếu trở thành bác phu xe xích lô « đêm ». Mỗi đêm, đi

được chừng năm ba khách hàng, Hiếu lo mua thuốc đem về cho mẹ. Sau đó, chàng phải cặm cùi học bài. Tuy cố dùi phần vất vả cực nhọc, nhưng khi nhìn thấy mẹ già dịu bớt cơn đau, chỉ tiêu trong gia đình tạm đủ, thì bao nhiêu cực nhọc tiêu tan, lòng Hiếu bùng lên niềm phấn khởi.

Một tối chủ nhật, trời đã mưa dầm, từ sớm Hiếu co-ro trong chiếc áo tơi chờ đi thêm một vài người khách. A ! Mỹ-An về, Mỹ-An về tiếng reo của các bác xích-lô vang dậy. Chiếc xe đồ Sài Gòn — Nha-Trang từ từ cập bến.

Xích-lô ! Tiếng gọi của một thiếu nữ đang từ trên xe đồ bước xuống làm Hiếu choáng váng cả người. Nhưng không làm sao dừng được. Hiếu đành phải cho xe trở tới vì vội vàng bước lên xe tránh cơn mưa nên thiếu nữ không trông thấy rõ Hiếu. Giọng nói dịu dàng của thiếu nữ thốt ra : « Bác cho cháu về đường Đệ-Lập số 2 »

Điềm nụ cười bí mật, kéo cổ áo tơi cho cao hơn tí nữa, Hiếu lặng-lẽ làm bản phận.

Mưa vẫn rơi đều đều trên mặt đường lóng lánh ánh đèn đêm, trời về khuya thưa lặn người qua lại. (Xem tiếp trang 34)

VUI...? CƯỜI...?

Đền nhiều hơn

Đàn gặp Đôn đầu bị băng bó, liền hỏi : « Đầu mày sao quẩn vãi tùm lum thấy ghê quá vậy ? »

Đôn đáp : « Hôm lễ Quốc-khánh xe cộ đông quá, thiên-hạ tấp-nập, cái xe Lambretta của thằng cha Đôn-ích nào đó chạy lút ga sáng để đi em diễn binh cho kịp nhà tổng đại vào mình tao. Hồn vía lên mây, tao xẹt vào lề té trầy trụ đầu cổ hết, đem vào nhà thương họ băng lại. Nhưng cũng may là cái xe đó có bảo-hiêm, tao được bồi thường 2 ngàn tiền thang thuốc. Tiếc quá, chỉ trầy sơ sơ đầu mà được đến 2 ngàn chứ nếu tao được gãy cổ hay vỡ sọ chắc họ đền nhiều hơn thế nữa. !!! »

Đàn : Trời ! ???

— Đây rồi cho cháu xuống. Bao nhiêu tiền hờ bác? Vờ cúi xuống sửa lại chiếc vành xe, Hiếu cố đòi giá cao và thật nhỏ: **thưa cô, cho 15đ.**

— Trời mưa gió, chắc bác cực nhọc lắm. Bác cứ cầm luôn 20đ vậy. Hiếu đưa tay đỡ lấy tờ giấy bạc, Bổng thiếu nữ thốt lên một tiếng kêu kinh ngạc: Trời! Anh Hiếu! Thì ra, thiếu nữ chính là B.L. bạn học cùng lớp với Hiếu, Nàng đã nhận được cái nốt ruồi son ở bàn tay Hiếu, bàn tay mà hàng ngày đã giúp B.L. giải đáp những cơn số Cóc.

Đứng lặng người trước hoàn cảnh thương tâm của Hiếu, B.L. bồi ngùi chua xót. Nàng cảm thấy thương người bạn học nghèo ấy hơn bao giờ hết.

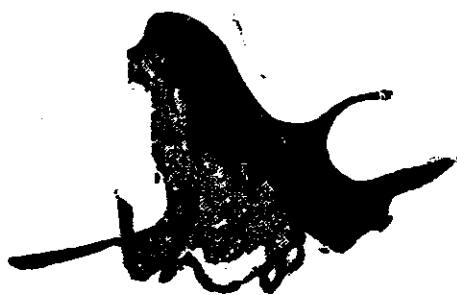
Quá bối rối, Hiếu đành phải gượng gạo lên tiếng: « Cảm ơn B.L. đã dành cho tôi một cảm tình tốt đẹp. B.L. hãy vào nghỉ đi sáng mai còn đi học. Hoàn cảnh của Hiếu chỉ là một trong muôn ngàn cái khổ của những học sinh nghèo. Lòng quý hóa của tình bạn đã an ủi Hiếu rất nhiều trong hiện tại cũng như những ngày sắp tới B.L. ạ! Thôi Hiếu xin phép B.L. về vì phải lo ôn bài vậy.

Suốt đêm hôm ấy, B.L. trằn trọc không tài nào ngủ được. Hình ảnh chàng học sinh nghèo chí hiếu, hy sinh và khiêm tốn ấy cứ lởn vởn mãi trước mắt người thiếu nữ xuân xanh.

Riêng Hiếu, sau khi đạp xe thẳng về nhà chàng lo bắt tay vào việc học. Ngồi trước chong đèn đầu leo lét, đêm nay Hiếu học bài vắn vật đến năm sáu lần mà vẫn chưa thuộc. Triền miên trong vòng nghĩ-ngợi, nhớ lại câu chuyện đầu hôm, Hiếu buồn tiếng thở dài.

B.L. con của một gia đình trung-lưu, thông-minh, đứng đắn. Sắc đẹp và tánh tình của nàng đã làm cho các bạn cùng lớp cảm mến. Nhưng Hiếu không rõ tại sao con người đẹp ấy đôi khi tỏ ra có cảm tình đặc biệt đối với mình?

(XEM TIẾP TRANG 35)



● MẠC-TƯỚNG

BẾN

Xe đi gánh nặng giơng hồ
Đưa em trở lại cõi bờ thiên thu
bến này nắng đã rồi mưa
trăm sau ngàn trước buồn xưa
cũng nhiều
xuống đây còn chuyển xa chiều
nhanh chân em bước thật liêu
lĩnh đi.

CHIA BIỆT

Bây giờ trời mọng bao la
mùa xuân vinh thế trên tà áo
bay
tóc xanh lớp gió sầu đời
bến sông chia biệt bước người
tràng giơng
cánh xuân theo gió về ngàn
trên dòng cô quạnh sóng lặng
thang sâu.

ĐỌC ĐƯỜNG

Quán xưa đổ nát bên đường
tiếp thu sương khói chạnh buồn
nhân gian
gió bay mái lá điêu tàn
hồn quê đổ lộn xuống tràng
giơng đi.

Nghĩ đến đó, lòng Hiếu bồi hồi rung động. Nhưng nhìn lại gia - đình, thực tế đã không cho phép chàng mơ mộng viễn vông. Đôi khi thấy cảnh nhà eo hẹp, Hiếu muốn thôi học để tìm một việc làm vừa với khả năng để giúp đỡ gia đình. Nhưng Bà Tư không đồng ý. Bà thường khuyên nhủ Hiếu: « Khi xưa ở chùa Long-Tuyền, Châu-Trí đã đốt lá đa sôi kinh nấu sử. Châu-mãi-Thần ngày ngày đốt củi mưu sinh, nhưng vẫn không rời cửa Khổng sân Trình. Cương hiếu học muốn đời còn lưu lại, con hãy noi theo gương người xưa để khỏi phụ lòng mong ước của mẹ.

Cao quý thay lời khuyên nhủ của người hiền mẫu, lúc nào cũng khuyến khích Hiếu hãy mạnh tiến trên đường học vấn.

Thời gian cứ tuần tự trôi qua. Vừa học vừa lo sinh kế cho gia đình, Hiếu đã làm tròn bổn phận.

Sự làm việc quá độ đã đem lại cho chàng một kết quả thâm hại. Chứng bệnh ho đã bắt đầu xuất hiện trong cơ thể Hiếu.

Lật bật đã đến ngày thi, Hiếu trúng tuyển kỳ thi viết và chỉ còn chờ ngày vào văn đáp.

Sau khi thi môn văn đáp cuối cùng, vừa ra khỏi phòng thi, Hiếu lên cơn ho dữ dội. Chàng thấy choáng váng cả người, mọi vật trước mắt đều quay cuồng, đảo lộn. Chàng xỉu luôn trên thềm đá, những giọt máu tươi trong miệng Hiếu trào ra làm thấm ướt cả tà áo trắng. Được các bạn học đưa về nhà trong đó có cả B.L. nhưng Hiếu đã mê, man không biết gì nữa. Bệnh tình của Hiếu rất trầm trọng. Dù còn yếu, Bà Tư ngày đêm lo săn sóc cho Hiếu. Bao nhiêu thuốc men chạy chữa đều vô hiệu quả. Chàng đã mắc bệnh ho thổ huyết và mất sức rất mau.

Tình bạn đánh tan mọi e ngại, B.L. hường tới lui thăm Hiếu.

Ngày tuyên bố kết quả, Hiếu nhờ B.L. đi nghe rồi mang tin về cho chàng biết.

Sân trường Trung-học Võ-Tánh hôm ấy

thật là náo nhiệt. Chưa đầy 15 giờ mà các thí sinh và thân nhân đã tập nập trong ngoài, trong đó có cả B.L.

Giờ quan trọng đã điềm, không ai bảo ai mọi người đều im lặng. Tiếng nói trong mấy phóng thanh lạnh lạnh vang ra: Đây là danh sách các thí sinh đã đậu thiệp thọ kỳ thi Trung-học Đệ-Nhất-Cấp, Khóa. ngày. tháng... năm...

1) Trần-nhi-Hiếu, số báo danh... ưu hạng

2) Nguyễn-thị B.L. số báo danh... bình dạng.

3)

Nghé đến đây, B.L. nhẹ nhõm cả người vội vã giơng tin mừng về cho Hiếu. Trong lúc đó ở nhà, bệnh Hiếu đã đến hồi nguy kịch. Cơn ho vừa qua đã làm chàng mất nhiều máu.

Sau khi nghe tin mình đậu và biết sức mình đã kiệt và không còn sống được bao lâu nữa, Hiếu nhờ B.L. chuyển đệ lời yêu cầu của mình lên ban giám khảo: chàng ao ước được thấy mảnh bằng của mình trước giờ nhắm mắt.

Đề làm vui lòng người sắp chết và cảm mến người học trò hiếu học xấu số ấy, ông Chánh chủ khảo đã cấp cho Hiếu mảnh bằng tạm, nhờ B.L. mang về cho Hiếu.

Đọc kỹ những giòng chữ trong mảnh bằng, Hiếu nở một nụ cười héo hắt trên bàn môi nhợt nhạt với vẻ man nguyện. Hai tay cầm lấy mảnh bằng, Hiếu trịnh trọng dâng lên từ mẫu: « Thừa mẹ, đây là kết quả của con trong bao năm trường theo đuổi nghiệp sách, đèn. Con đã không đến nỗi thẹn với người xưa và làm tròn lời mong ước của mẹ. Mẹ hãy vui lên đi để mừng ngày con của mẹ thi đậu. Đây, mẹ hãy cầm lấy mảnh bằng của con, trong đó là mồ hôi của mẹ và tâm trí của con ».

Gương nói được bao nhiêu, cơn ho dữ dội lại đến làm Hiếu thở dồn dập, những giọt máu tươi trong miệng Hiếu nhều xuống làm ướt cả mảnh bằng.

(XEM TIẾP A TRANG 37)

BÓN MÙA THƯƠNG NHỚ

Tiền Tam-giang hậu Thất-Sơn
Địa linh nhân kiệt!

Huyền-Linh,

Cũng vào độ này, khi gió bắc mang lết đông trở lại, khí lạnh đã quện lấy vạn-vật và dường như xuyên thủng các tế-bào, len-lỏi vào tận tâm-can, hòa trộn với nỗi tê dại trong lòng. mình liên-tưởng tới Huyền-Linh, người bạn thân yêu ngày ấy có vẻ mặt lạnh-lùng với nỗi buồn muốn thuở, ngấm chứa sự trách-hờn sau những ngày đóng ly-cách chỉ tái ngộ vào những buổi đầu xuân....

Thế rồi từ độ ấy.... một năm, hai năm ba năm rồi bốn năm... Bởi chỉ trải hồ hải, mình rất đau lòng lia bỏ Huyền-Linh

Huyền-Linh! Xuân này, nơi đây không mang những sắc thái của mấy mùa Xuân trước-khi mình còn là một cậu học-sinh bé-bóng mỗi ngày hai buổi đến trường để rồi mỗi chiều thứ bảy, mỗi sáng chủ nhật mình đến với Huyền-Linh lắng tất cả nỗi vui sướng tuyệt trần, bằng sự chiêm ngưỡng của một khách nhân-du đang sơn ngoạn cảnh.

«Thấp đài» cao vút— «Bách-Vân-Động, trơ mang ư-tịch, phảng-phất hơi sương tỏa ngời mây trắng, như che giấu sự linh thiêng huyền-bí ngàn đời — « Đường hoang » vắng lạnh ngoằn ngoèo, ẩn hiện trong những cụm hoa « trầm » đầy hương sắc, có lúc bị cản lối bởi vài ngọn trúc rừng đôi khi bị rẽ hẳn sang bên để nhường lối cho những tảng đá phẳng lì dưới tàng cây râm mát.

Huyền-Linh, giờ đây mình đang nép mình nơi góc trọ chật hẹp gần như thiếu ánh sáng, và mỗi lần thả bấc bỏ trên

phố « Bonnard » của đất Sài-gòn hoa lệ, hoặc đi hóng mát ở bến « Bạch-Đằng » trong buổi đầu hè vào những ngày cuối tháng, là mỗi dịp mình nghĩ tới Huyền-Linh, nghĩ tới những cánh tập-nập rộn-rịp của những ngày « Vía Bà ». Những hình ảnh bất-diệt, những kỷ-niệm vui buồn mà ngày nào chính nó đã tàn phá đời mình đời của một cậu học-trò lêu-lững, nó đã gây nên cuộc chia ly giữa chúng mình và cũng chính trong những thất-vọng nào nư ầy đã hun-dúc đề giờ đây mình trở hình một chiến-sĩ can-trường nơi trận

của GIANG-CHÂU TƯ-MÃ

tuyến. Rồi những buổi trưa hè oi-bức, nơi tiên đồn, hoặc trong rừng thâm âm-ư những lúc ấy mình chạnh nhớ đến những gấu nước lạnh được múc lên từ « Hồ tiên-sa » để tưới vào cái thân hình khét tiếng. Mình chỉ thấy một sự mát-mẽ khoái lẫm thấm vào tận xương tủy, xuyên qua những thớ thịt làn da. Nhưng có lẽ không bao giờ mình nghĩ rằng thứ « tiên thủy » ấy có thể gột rửa được lớp bụi trần trên người mình, và làm tiêu tan được tức khức những oán-hờn nhân thế ???

Huyền-Linh! Rồi mỗi độ cây rừng trút lá, nơi miền Cao-Nguyên đất đỏ hay ở vùng rừng rậm « Bời Lời » trong chốn tịch-tiêu hoang vắng ấy, mình liên-tưởng đến tiếng chuông chùa ngân-ngã vào những đêm trăng sáng, mình nghĩ đến Huyền-Linh. Nhớ lại mỗi độ vào trung-tuần tháng bảy,

(XEM TIẾP TRANG 37)

(TIẾP THEO A TRANG 35)

— Trời, máu tươi! B.L. thốt lên những tiếng kêu đau đớn. Nàng vội đỡ Hiếu nằm xuống và khuyên chàng không nên nói nhiều sẽ nguy đến tánh mạng.

Bà Tư rối-rít, vội vàng vuốt ngực con vào khuyên nhủ: « Con hãy nằm nghỉ. Mẹ biết con của mẹ ngoan lắm, con cố-gắng cho mau lành bệnh. Từ đây mẹ con ta sẽ không còn lo lắng thiếu nữa ».

— Thưa mẹ, lúc con đã tàn rồi, mẹ cho con nói hết lời trong giờ phút chót. Thưa mẹ, con định ninh rằng con cố học để tạo cho mình có một căn-bản văn-hóa vững vàng rồi sẽ kiếm việc làm để giúp đỡ mẹ trong lúc tuổi già. Nào ngờ con vẫn số' con chết đi đã yên thân, khổ nỗi mẹ già không biết nương tựa vào đâu, con cam đành bất hiếu ».

Góp hết tàn lực, đôi mắt lơ lơ, Hiếu quay về phía B.L.:

« Hiếu xin thành thật cảm ơn B.L. đã tận tình giúp đỡ, săn-sóc Hiếu trong cơn bệnh hoạn... Hiếu có chết đi rồi xin nhờ B.L. an ủi dùm mẹ Hiếu... Mặt tái lại, đôi tay run run, Hiếu chấp tay thề-thào: « Con... xin... lay... m... mẹ ». Cơn ho dữ dội nổi lên, những giọng máu đỏ cứ tuôn trào trên áo Hiếu. Chàng ngã gục xuống và lịm dần trong giấc ngủ ngàn thu.

Giọng kể là ai oán của Bà Tư làm vang động cả Xóm Giã. B.L. đã nức nở khá lâu bên thi hài của người bạn xấu số và ghen ngào không thốt nên lời.

Hiếu chết đi, học đường mất hết một người học trò khá-ái chăm-chỉ học-hành, Bà Tư mất đi một người con chí hiếu và B.L. người thiếu nữ vạn ý phục đen theo đưa đám để mất hết một người bạn học đáng yêu.

Riêng tôi ngồi lắng nghe câu chuyện, tôi cũng không sao cầm được giọng nước mắt, khóc cho số phận ngán ngùi của một cậu học sinh gương mẫu đáng mến.

Hôm nay, ngồi ôn lại chuyện xưa, kẻ viết

bài này kính cần thấp nán hương lòng, cầu nguyện cho anh chị em học sinh chúng ta không bao giờ gặp phải cảnh thương tâm trên đây.

Một chiều đông,
HÀN-NAM-NHI

TÙY BÚT

(TIẾP THEO TRANG 36)

hương trầm nghi-ngút tỏa lên không gian « Tây-An Tự » như ẩn hiện trong làn khói mỏng của hương trầm bát ngát — « Lăng Cổ Quan » và « Mộ Phật Thầy » — thiên-hạ chen-chức nhau cầu phước, cầu duyên, cầu tài, cầu lợi... Giữa quang cảnh tôn-nghiêm, huyền bí, linh thiêng của « Chùa Heng » những tiếng các cặp sột soạt của ống xăm hòa lẫn tiếng ã-a kính mờ, tạo thành một âm-thanh hỗn-tạp, trầm buồn.

Huyền-Linh! Thu tàn? Đông đến—rõ kể tiếp những mùa Đông nữa..... Huyền-Linh có biết giờ đây mình ở đâu? Làm gì? Nghĩ gì?... Hiện tại... Tương-lai... và dĩ-vãng....

— Nên vui hay nên buồn khi nghĩ tới Huyền-Linh... ????

GIANG-CHÂU TƯ-MÃ

VUI CƯỜI:

Tiết kiệm vải

Bà Ba hỏi Bà Năm: « Tại sao bọn trẻ nhà tôi dạo này chúng nó bận quần áo bó sát vô mình và cụt ngắn trông muốn nứt da nứt thịt ra. Còn các cháu của chị thế nào? »

Bà Năm đáp không suy nghĩ: « Hàng vải bây giờ lên giá vùn vụt, tụi trẻ bây giờ nó có học và kinh-tế rành hơn bọn già mình nhiều. Con Hai nhà tôi nói bảo: Theo định-luật cung cầu, hễ « Cầu » nhiều hơn « Cung » thì vật giá lên cao, đề bình-thường-hóa giá tiêu-thụ, thanh-niên đều đồng ý bận quần áo chật và ngắn để chặn đứng bọn gian thương đầu cơ tích-trữ ».

Bà Ba cười to: « Ồ, thì ra bọn trẻ nó tiết-kiệm vải mà mình quá quá không hiểu rõ chứ ».

CHÍCH-CHÒE

HÀN MẠC-TỬ:



Với những giòng thơ dết bằng
nước mắt và máu

KHÓC DÙM THÂN THỂ HOA RƠI LỆ
BUỒN GIÚP CÔNG DANH ĐỂ DẠO ĐÀN
(Đem không ngủ)

Hàn-Mặc-Tử, tên bút - hiệu của thi-sĩ Nguyễn-Trọng-Trí. Thi-sĩ Hàn-Mặc-Tử sinh ngày 22 tháng 9 năm 1912 tại Đồng-Hới, và mất ngày 11-11-1940 tại bệnh-viện Qui-Hoà, Cụ-thần-sinh ra thi-sĩ là Nguyễn-văn Toàn, nguyên-quân, ở Thanh Hóa nhưng đã rời tỉnh Thanh vào Thừa-Thiên (Huế) lập nghiệp đã từ ba đời, cư-ngụ tại làng Thanh Thủy, Cụ Ng-văn-Toàn là người hiền lành, mặc dầu quất thân trong gia-đình con nhà võ, thân-sinh ra cụ trước kia đã làm chức Suất-Đội dưới triều vua Đồng-Khánh Cụ tinh-thông Hán-học lại theo đạo Giáo-Tô, cụ là một người rất ngoan đạo. Ngoài những giờ làm việc ở Sở-Thương-chính Đồng-

Hới, cụ chỉ chuyên đọc những thành-kinh kinh-chữ. La-Tĩnh, vui với gia-đình, chăm-đầy đủ người con trai lớn là Nguyễn-Bá-Nhan và hai người con gái là Như-Nghĩa và Như-Lê. Nguyễn-Trọng-Trí là con trai út

trong gia-đình. Từ khi mới mở mắt chào đời, thi-sĩ Hàn-Mặc-Tử đã tiếp xúc với những yếu-tố thiên-nhiên là « núi cao, sông rộng » và « trời biển mênh mông ». Trước tiên là con sông Nhật-Lệ và ngọn núi Đầu-Mầu, ở Đồng-Hới. Núi Đầu-Mầu từ xa trông lại thật là hùng-vĩ, nguy-nga cao ngất đến tận trời xanh, với những màu sắc tuôn, luôn thay đổi. Con sông Nhật-Lệ, cứ mỗi lần lên xuống của ngọn thủy-triều lúc hoàng-hôn cũng có thể làm cho lòng

người cô-tịch được khơi động rất rào như những đợt sóng tại vào

* LỤC-Y-LANG *

những mồm đá ở ven bờ. Muối mặn ở bát sông Nhật-Lệ và những tảng đá kiêu-kỵ ở ngọn Đầu-Mầu như gần bó với tình đất nước, bên chặt với thời gian bất tận. Lại còn, Lũy-Thầy đã có một lịch-sử vẻ-vang đến

muôn đời, ghi lại kỷ công của họ Nguyễn đầu tiên vào khai mở dề tiến lên vào miề. Nam phi-nhiều màu-mỡ. Nhắc đến B.Tu. Tro ở Đồng-Hới với những chuyện yêu tình rưng-rợn, mà quý hiện hình, kẻ lại không những trẻ con hoảng-sợ mà ngay cả những người lớn tuổi cũng phải rợn da gà.



Sông núi đã nhắc-nhở cho Hàn-Mặc-Tử nhiều kỷ-niệm khó quên, tạo cho chàng những hứng-khởi trong việc sáng tác, thì trời và biển mênh-mông vốn dĩ là cái duyên nợ ngàn đời, dường như không thể nào tách rời ra được từ khi thơ ấu cho đến lúc trở về với cát bụi.

Sinh ra ở biển, thân-sinh của thi-sĩ vốn là công-chức Sở-Thương-Chính, Hàn-Mặc-Tử lại sống luôn ở các cửa biển, đến khi yên giấc ngàn thu thi-sĩ lại nằm gần bởi biển dề luôn-luôn nghe tiếng sóng vỗ rì-rào tưởng chừng như cung đàn muôn điệu ru êm giấc ngủ của thi-sĩ muôn đời bất tận. Trong thời gian sống với gia-đình, thi-sĩ đã theo cha qua những nơi như Sa-kỳ, Bông-Sơn, Qui-Nhơn, rồi lại trở về Sa-Kỳ, ở đâu cũng toàn là biển trời mênh-mông. Người ta bảo đó là cái duyên kỳ ngộ trong kiếp sống của thi-sĩ Hàn-Mặc-Tử.

Trong lúc Nguyễn-Trọng-Trí cấp sách đến học ở trường Tiểu-học Quảng-Ngãi được ít năm, thì cụ thân-sinh, ông Tham. Tá Nguyễn-Ngọc-Toàn bị bệnh và nằm điều-trị tại bệnh-viện Huế rồi mất tại đây vào ngày 2-7-1926.

Đã quá phụ Nguyễn-Ngọc-Toàn, sau khi bị bệnh nặng lắm, liền dời nhà vào Qui-Nhơn sống với người con trưởng

là Nguyễn-Bá-Nhan làm việc tại đây, và hai cô con gái cũng có chồng nơi đây cả. Sống chung trong gia-đình anh chị, vừa đi học, Nguyễn-Trọng-Trí vừa tập tành làm thơ và Trí đã tỏ ra có khiếu làm thơ với những nét đặc-sắc. Bấy giờ thi-sĩ mới 15 tuổi và lấy bút-hiệu là Minh-Duyệt-Thị. Anh của thi-sĩ, ông Nguyễn-Bá-Nhan lấy bút-biểu là Mộng-Châu. Hai anh em cùng nhau xướng họa ất tương đắc, nhưng Trí tỏ ra xuất-sắc hơn anh. Bài của Mộng-Châu Nguyễn-Bá-Nhan như sau:

Nhạn ơi; tung cánh giữa mưa mây
Khéo khéo đừng rơi gói buộc giây.
Cái gánh tình si ai gói đó,
Là lời tâm-sự nhện đưa ngày.

Dưa người thảng trước hoạ thơ
tiền,
Đến bến ngày xưa mấy tiệc bày.
Hỏi nhờ cùng không người bốn
mắt.

Bè dẫu chưa thấy, thấy gì đây ?
Minh-Duyệt-Thị Nguyễn-Trọng-Trí họa lại như sau :

Vội vàng chi lắm nhạn lưng mây,
Chậm chậm cho mình gửi mối
giây

Về đến Thần-Kinh khoan nghỉ đã,
Ché miền Gia-Hội-tổ tình ngày.
Suốt năm canh mộng hồn mê mỏi,
Chỉ một lòng son muốn gửi bày.
Này nhạn ! ta còn quên phớt nẻo,
Con tìm non nớt tặng năng đây !

Xem những lời-lẽ trong bài họa, ta thấy Minh-Duyệt-Thị, người thi-sĩ trẻ kia đã có giọng-diệu bay-bướm của một trang tài hoa tình-tử rất mực êm nhẹ. Tuy nhiên, thấy con cứ thích ngâm vịnh, và đọc những truyện Tàu, hay nghiên-cứu những thi-văn lãng-mạn, bà cụ nhất định gởi ông, thi-sĩ ít hơn vào trường nhà Dòng Pellerin Huế. Bà cụ mong đưa con trai út ra đến Thần-Kinh có dịp gặp thầy hay, bọn giới trau dồi học tập biết đâu sẽ làm nên danh phận với đời.

Ra tới đất Thần Kinh nhận thấy nơi phần hoa đô-hội, cái bút hiệu nên thơ Minh-Duyệt Thị của mình không thích-hợp, và lại nó có tính chất trẻ con, Nguyễn-Trọng-Trí liền chọn ngay một bút-hiệu mới là Phong-Trần.

Chính cái bút-hiệu Phong-Trần, mà cuộc đời của Trí đã gói cả vào gió bụi để quyết tìm cho mình một cái gì cao đẹp, một cái gì bất diệt, một cái gì vĩnh cửu vậy. Đời sống học trò với những bài toán, với những con số, làm cho thi-sĩ Phong-Trần mất cả hứng-thú. Nguyễn-Trọng-Trí đã thỉnh-thoảng bỏ học đi chơi núi để tìm nguồn thi-hứng. Làm được bài nào đặc ý, Trí như người tìm được vàng, hí-hửng khoe lại sạch-sẽ, rồi tìm các báo ở Saigon để gửi vào đăng. Những tờ báo đăng thơ của Trí bấy giờ thường là những báo phụ-nữ như Tân-Văn/ Saigon. Cũng có những nhật báo nhận đăng thơ Trí vào phụ-trang Văn nghệ. Say mê làm thơ, làm văn-ngệ, Nguyễn-Trọng-Trí không thiết gì đến học-hành nữa, cho nên sau khi suy-nghĩ kỹ, Trí cương-quyết rời khỏi ghế nhà trường, dù có lời khuyên ngăn của gia đình. Lúc bấy giờ nền kinh-tế ở Đông Dương đang khủng-hoảng trầm trọng, các cơ-sở của chính phủ đều bị lún, bởi thu gọn mọi hoạt-động, các công-chức có một số đông bị thôi hồi. Những thanh-niên mong học xong để giúp-được mệnh bằng nhảy vào làm công-chức đều chán-nản, vì họ thấy rằng học xong cũng vô dụng, không thể nào tìm được việc làm rồi. Bấy giờ, Nguyễn-Trọng-Trí cũng như nhiều thanh-niên khác muốn tìm sinh-kế. Nhưng riêng Trí đó là một dịp may để chàng có thể tách rời gia đình vào Saigon làm báo, như chàng hằng ao-ước.

Vào Saigon, Nguyễn-Trọng-Trí lại một lần nữa, đổi bút hiệu là Lê-Thanh. Trí may mắn được trúng giải nhất trong một cuộc tổ-chức thi của một thi-xã.

Ngay từ buổi thiếu thời, Nguyễn-Trọng-Trí đã có giọng thơ ai oán. Nhận xét và Hàn-Mặc-Tử, ông Trần-Thanh-Mại có nói như sau: « Nào ai có thể ngờ rằng một người còn rất trẻ thơ mà đã có cái

động tha-thiết & chờ trong ấy phảng-phất một thứ tình man-mác, u-uẩn và nhẹ-nhàng hư hư thực thực, các bậc danh thi-đời; xưa mà đến được cái chỗ thiên mỹ tài-dinh ấy là cùng; không thể kể là hơn được. Những câu như:

« Thức trông ra nguyệt sân còn lạnh
Ngủ một mê trời cảnh đã say... »

Thì không thể Thanh-Quan hay Tân-Đà hơn nữa... »



Bài sau đây, trích trọng quyền « Một Tâm Lòng » của ông Quách-Tấn là một trong những bài hay nhất của Hàn-Mặc-Tử khi xướng-họa với họ Quách:

Chẳng hẹn hò sao gặp gỡ đây?
Người thời như tỉnh kẻ như say.
Trong veo làn nước soi đôi mặt,
Xa-tít quê nhà trở một tay.
Tâm-sự mới trao bờ đã đến.
Nỗi-niềm chưa cạn khách về ngay.
Ba-sinh duyên nợ âu là thế,
Một chuyến dò đưa nghĩa một ngày.

Về sau, sau khi đã chuyển sang làm thơ mới, Nguyễn-Trọng-Trí cũng không phụ với nàng Ly-Tao xưa. Thỉnh-thoảng chàng nhận được bài thơ nào của ông Quách-Tấn gửi cho, Hàn họa lại ngay, và hình như cũng lấy làm sung-sướng mà trở về thăm làng cũ, đóng lại cái giấy tờ từ lâu treo mãi không dùng. Tết năm Mậu-Dần (1938) chàng làm bài thơ khai bút theo thể Đường-luật « Bút thần khai »

Lời thơ Đường-luật của Nguyễn-Trọng-Trí thường có tác động trầm-hùng bi-đắt rất kỳ với lối đoán tướng số theo khẩu-khi của bậc tiên-nho. Vẫn biết rằng đây là lối phỏng-đoán ham-hà, song ta không thể nhận thấy mà không kinh-dị rằng ở trong ấy vẫn có phần xác-đáng.

Áp-úng không ra được nửa lời
Tình thu tha-thiết lắm, thu ơi!
Vội vàng chiếc nhạn bay qua trời,
Buồn-bã hơi may thoáng lại rồi...
Năm gồng đã không thành mộng
được.

Ngâm tràn cho đỡ chút buồn thôi,
Ngân tâm bóng liễu trông xanh ngắt,
Cánh sắp về đông, mắt rẽ vơi.

(Buồn thu)

Đọc bài này ta có thể làm-lầm với một bài thơ nào của Nguyễn-Khắc-Hiến. Cũng một hơi lưu-loát ấy, cũng một giọng lả lỵ ấy, nó gợi một thứ buồn man-mác, dịu dàng như buổi chiều có gió heo may nhẹ lùa cánh hoa bào trên làn nước phẳng. Đoán làm sao về thân-thể của một người mà ngay khi tuổi mới mười tám đôi mươi đã viết nên những câu như thế... »



Từ khi đổi bút hiệu là Lê-Thanh, Nguyễn-Trọng-Trí bắt đầu bước chân vào làng báo ở miền Nam. Sau khi đã làm qua các nghề để sinh nhai như thư ký hàng buôn, trắc lượng-viên Sở Địa-Chánh. Trí được tờ báo « Saigon » là một tờ báo tương-đối có nhiều độc-giả vào khoảng năm 1934-1935, giao cho mục văn-chương. Sau đó Trí lại chủ-trương tờ « Công-Luận Văn Chương », và viết bài cho các báo « Trong Khuê Phòng », « Tân Thời ». Một lần nữa, Nguyễn-Trọng-Trí lại đổi biệt hiệu là « Hàn-Mặc-Tử », đây cũng là bút-hiệu sau cùng của Trí để rồi trở thành bất-tử trong bi-giới Việt-Nam.

Ở Saigon, Nguyễn-Trọng-Trí thuê chung một gian nhà với mấy anh em ở tại đường Espagne (hiện nay là đường Lê Thánh-Tôn). Nhưng trong gian nhà này lại có đến ba người chủ khác và bọn của trí nữa là bốn. Gian nhà của Trí và bọn anh em ở là gian gác, ở phía dưới là một hiệu thợ may của một gia đình người Huế. Gian nhà tuy có gác mà bừa-bỉu và tối tăm không thể tưởng. Bọn của Trí có ba hoặc bốn người, đôi khi cũng hơn con số ấy nữa. Nhưng họ không sấm ghê bố, hay giở đờng ngủ, hoặc chiếu màn gì cả. Cứ tối đến, quét sàn gác một lượt, rồi dùng giấy báo cũ trải lên mà nằm. Chỗ nằm của bọn Trí quay ra phía đường gần những cây me trồng từ đời nào, thân cây to lớn và sù-si. Mỗi khi muốn làm văn, làm thơ, thì cứ nhờ những ngọn đèn điện ngoài đường chiếu vào. Tuy đời sống vất-vả như thế, nhưng Trí và các bạn đều cho là ăn ở như thế mới thi-vị-hoá được cuộc đời, và bọn họ tự lấy làm mãn-nguyên lắm. Tuy những bạn ở chung với Trí, nói thật chỉ có bọn làm báo cho nó oai, chứ kỳ-thật chỉ có mỗi một mình Trí là có việc làm, các anh bạn kia chỉ sống vất-vưởng và nhờ vào đồng lương của Trí. Đối với Trí, bất cứ với một người bạn thân hay sơ, chàng cũng đối - đãi rất tử-tế, chàng hay chiều-chuộng bạn-bè và không bao giờ làm phật lòng một người bạn nào. Một người bạn đã cùng sống chung với Trí đã có nhận xét và rằng như sau: « Đời của Trí có thể tóm-tắt lại trong hai đặc điểm: ở hẳn không thể tưởng và không bao giờ mất lòng bạn » Có lẽ vì nếp sống tinh thần đã không cho phép thi-sĩ Hàn-Mặc-Tử nghĩ đến việc chưng diện bề ngoài, hay vì sự nghèo kiệt đã không cho phép thi-sĩ có thì giờ nghĩ đến? Quần áo Trí mặc suốt tháng không cần thay đổi. Có thể nói suốt năm không tắm gội, chàng cũng vẫn như thường. Chàng thích đội một cái mũ lát kiêu « ca-nô », mặc chiếc áo sơ-mi dài tay rộng thùng-thình, mặc một cái quần có thứ giải treo đề buộc. Cứ thế thi-sĩ lang-thang khắp đường phố Saigon, suốt tháng

này qua thảng khác, bất cần hơi thổi, bụi bặm, cái ghét đóng hàng tá vào bộ đồ bất hủ kia, miệng ngậm-nga những bài thơ mới sáng-tác. Có được đồng tiền nào là đãi bà bạn cho đến hết. Bà bạn nhiều người đã coi-dụng lòng tốt và sự dễ-dãi hay chiều bạn của Trí bám sát vào chàng đề tiêu-phá hết sạch những món tiền mà Trí lãnh được của nhà báo. Những món tiền nợ của Trí cứ chồng chất lên mà chàng không sao trả hết được. Thét rồi những con nợ vây quanh lấy Trí đề gắt-gông, đòi nợ như sáo. Các anh bạn ăn bám kia thấy mùi không thể ở yên được nữa, đành hát bài tạm biệt. Người chủ nhà giữ cái va-ly để trừ nợ, người thợ giặt giữ luôn hai cái quần. Trí đưa giết kèm thêm cái mũ lét ca-nô-chê Gia-đình Hàn-Mặc-Tử đã nhiều phen ngao-ngán về cách tiêu-phá hoang-phí của người con trai chỉ biết bạn-bà là trên hết. Khi từ nhà ra đi làm ăn với một chiếc va-ly đầy đủ quần-áo, nhưng đến khi năm tàn tháng hết, lúc tiếng pháo giao-thừa nổ ran Hàn-Mặc-Tử lù-lù về đầu bù tóc rối, ăn mặc xốc-xếch như một bóng ma hiện về. Thấy con và cô và thiếu nảo quá, bà cụ hỏi chàng hành-lý đâu cả. Chàng chỉ nhẹ-nhàng đáp là đã gởi ở Saigon cả. Về quê ăn Tết và thăm mẹ xong, chàng trở vào Saigon ngay. Nhưng rồi cuộc chàng vẫn ở nhà, mà va-ly hành lý thì « một ra đi không hẹn ngày trở lại ».

Từ khi những loại thơ mới ra đời và được giới thanh-niên nam nữ thời bấy giờ ưa chuộng, bắt đầu từ bài « Tình Già » của Phan-Khôi tung ra vào năm 1932, hai tiếng « thơ mới » như một quả bom nổ giữa cái không-khí ngột thở của lối thơ Đường-luật quá quen thuộc, và rất một mùi thương vay khóc mướn. Sự thành-công

rực-rỡ trong việc sáng-tác thơ mới của Thế-Lữ, rồi lần-lượt Phạm-Huy-Thông, Đỗ Huy-Nhiệm, Nguyễn-Xuân-Huy, Nguyễn-văn Kiện, Vũ-Đình-Liên, Nguyễn-Vỹ, Theo-Thao, Thanh-Tĩnh, Bích-Khê, Thái-Can, Lưu-Trọng Lư cũng nhảy lên thi-đàn mới. Mặc dù có sự phản-đối, của những nhà thơ Đường, thể thơ mới cũng được giới thanh-niên say mê thích-thú. Lúc đầu, Hàn-Mặc-Tử cũng chỉ-trích lối thơ mới, nhưng về sau chính chàng lại đưa vào lời thơ của mình một chất thơ táo-bạo, siêu thực khiến cho người thưởng-thức thơ của chàng ngạc nhiên. Những rung cảm chân-thành trong tập « Gái Quê » của Hàn-Mặc-Tử đã nói lên sự e-ấp ngại ngùng của cô thôn-nữ đang ôm-ấp trong lòng một mối tình trong sạch trinh nguyên với những giấc mộng đẹp tuyệt vời, êm-ái.

Từ gió xuân đi, gió hạ về,
Anh thường gởi gắm mỗi tình quê.
Bên em mỗi lúc trên đường cái,
Hóng mát cho lòng được thoải-thuê.
Em có ngồi đâu trong những đêm,
Trăng ngà giải bóng, mặc hồ êm,
Anh đi thơ-thần như ngày đại,
Hứng lấy hương nồng trong áo em.
Bên khóm thùy-dương em thiết-tha,
Bên này bờ liễu anh trông q a.
Say mơ vương phải mùi hương ướp,

Yêu cái môi hương chẳng nói ra.
Độ ấy xuân về em lớn lên,
Thấy anh em đã biết làm duyên.
Những thời gian vẫn trôi đi mãi,
Yêu dấu lòng anh ốm hận riêng.

(Âm Thăm)

(XEM TIẾP C TRANG 44)

Tư-tưởng Danh-nhân

— Tâm-hồn mà hàm dưỡng đạo đức cũng ví như nước trong nguồn chảy ra, bao giờ cũng trong sạch và ngon lành mà đời nào không bao giờ khô cạn.

(EPICLETTE)

Một Quan-điểm về Giáo-dục

THU ĐẶT LẠI VẤN-ĐỀ

TRÁCH - NHIỆM

của phụ-huynh học-sinh,
học-đường và xã-hội

Từ bao lâu nay vấn-đề trách-nhiệm đối với thanh thiếu niên hư-hồng vẫn chưa ngã ngũ ra sao. Trong lúc đó, số thanh thiếu niên phạm pháp ngày càng tăng không riêng gì ở trong xứ, mà ngay cả trong các quốc-gia tân-tiến số thanh thiếu niên hư-hồng đã lên gấp mấy lần thời tiền chiến. Nguyên-nhân nào ? Ai chịu trách-nhiệm về những hành-động của chúng. Đó là vấn-đề cần được đặt lại.

của G. TRINH-VÂN-THANH

« Con hư tại mẹ ». Câu nói này đã bao hàm cái trách-nhiệm của cha mẹ đối với con cái trong gia-đình.

Nếu chúng ta chấp nhận : « Gia-đình là nền - tảng của Quốc-gia, xã-hội » hay « Gia-đình là một tế-bào trong xã hội », thì cái trách nhiệm trước tiên đối với sự hư-hồng của con cái phải là gia-đình, mà cha mẹ là trụ cột, là người liên đới chịu trách nhiệm về sự phạm pháp của thanh thiếu niên.

Một đứa bé sơ-sinh tượng trưng cho sự trong trắng hồn nhiên, sự vô-nhiệm. Từ lúc còn ôm bầu sữa mẹ cho đến khi tập bò, tập đi, tập bập bẹ kêu ba kêu má, đứa trẻ chỉ biết hành-động theo sự dạy-dỗ uốn nắn của cha mẹ, bắt chước theo những gì mà nó thấy, nó nghe. Trong thời gian này đứa trẻ bị ảnh-hưởng rất nhiều đến tánh

tình, cử chỉ, giọng ươi tiếng nói của người vây quanh nó. Tuy nhiên trong thời gian quá bé bỏng này, đứa bé chỉ hành-động theo các tính thông thường : đói ăn, khát uống, mạnh khỏe thì tươi vui, đau ốm thì la khóc. Hành động của đứa trẻ trong thời gian này chỉ là hành-động « vô tội vạ ».

Nhưng khi đứa trẻ lên 2, lên 3 tuổi, biết đi, biết nói, đó là lúc cha mẹ phải lưu tâm đến từng cử-chỉ, từng hành-động, từng lời ăn tiếng nói của đứa trẻ. Trước hết là trật-tự trong đời sống của đứa trẻ. Từ giờ ăn uống, giờ ngủ, giờ chơi... cha mẹ cần phải sắp xếp thể nào để cho con mình trong giờ ăn không bỏ chạy chơi, trong giờ ngủ không chạy rong ở hàng xóm, đứa trẻ biết ăn, uống, chơi, ngủ đúng giờ khắc mà cha mẹ đã chỉ định, biết bắt đầu một cuộc sống có trật-tự. Nhờ đó mà khi lớn lên đứa trẻ không có tánh bừa-bãi, biết tự phân chia thời giờ trong một ngày, việc nào cần làm trước việc nào nên làm sau. Nếu con cái trong gia-đình đều có trật-tự như thế, dù vắng mặt cha mẹ chúng lâu ngày chúng vẫn sắp xếp công việc có quy củ, đầu vào đấy. Phải chăng cô-nhân rất có lý khi nêu lên câu : « Dạy con từ thuở còn thơ ». Trong tuổi thơ ngày đứa bé được cha mẹ dạy cho biết tinh-thần kỷ-luật và trật-tự, thì lúc lớn lên những đức tính ấy vẫn tiềm nhiễm vào tâm trí khiến nó không thể nào hành-động khác đi được.

(XEM TIẾP B TRANG 44)

(TIẾP THEO C TRANG 42)

Từ những bài thơ Đường-luật cổ-kính chuyển sang lối thơ mới. Hàn-Mặc-Tử đã cho mọi người thấy một sự cách-mạng rõ-trẻ trong việc sáng-tác thơ của chàng. Tính chất lãng-mạn của tuổi thanh-xuân, tuổi yêu đời không điều-kiện đã được diễn-tả qua lời thơ của thi-sĩ một cách trung-thực. Đọc những vần thơ sau đây, non ba mươi năm ta tưởng chừng như nét bút vẫn chưa ráo mực, vần thơ mềm-mại uyển-chuyển đã không bị định-luật chi-phối của thời-gian và chia cách bởi không-gian, vì nó rất gần với tuổi thanh niên :

Trăng nằm sóng-soãi trên cành liễu,
Đợi gió đông về để lả-lơi,
Hoa lá ngây tình không muốn động,
Lòng em hồi-hộp, chị Hằng ơi ?
Trong khóm vi-lầu ràn-rạt mãi,
Tiếng lòng ai nói sao im đi ?
Ô kìa, bóng nguyệt trần-trụi tắm,
Lộ cái khuôn vàng dưới đáy khe...
Vô tình để gió hôn trên má,
Bên-lên làm sao lúc nửa đêm,
Em sợ lang-quân em biết trước;
Ngủ gờ đến cái tiết-trình em,

Thiên-tài đang chớm nở trong lứa tuổi thanh-niên đầy ước vọng, nhưng oan nghiệt thay, Nguyễn-Trọng-Trí lại vương mang vào mình một chứng bệnh nan-y.

Cuối năm 1936, sau khi đi Huế chơi rồi trở về Qui-Nhơn đã đi Nha-Trang, Đà Lạt, Phan-Thiết. Đang lúc chuẩn-bị hành-trang vào Saigon là chủ-tương một tờ báo văn-

(XEM TIẾP D TRANG 45)

(TIẾP THEO B TRANG 43)

Sự quan-trọng trong việc giáo-dục trẻ thơ là « thành tín ». Nhiều người lầm tưởng cần gì phải nói đúng, làm đúng đối với trẻ con. Sự thật, hậu quả sẽ vô cùng tai hại. Vô tình bậc làm cha mẹ tập cho con tánh nói dối, thiếu thành thật. Điều gì đã hứa với con trẻ thì phải thực hành đúng, không thể vì một lẽ gì, hay viện cớ gì đã nuốt trửng lời hứa với nó được. Thí dụ người cha hứa với con là sẽ mua tặng cho nó một món quà hay một cái bánh chẳng hạn. Trong trí đứa bé đã ghi khắc sâu đậm hình ảnh của món quà, hay cái bánh mà cha nó sẽ tặng. Nó chờ đợi từng giây từng phút cái ăn-huê được hứa kia. Nhưng vì vô tình hay cố ý nói cho xong chuyện, cha nó bỏ qua và không thực hiện đúng theo lời đã hứa. Sự mong đợi mỗi-mòn gây cho đứa bé sự thất vọng, tạo cho nó một ấn tượng không đẹp và sự thất tín của cha nó. Rồi những lần khác nữa... Đứa bé bắt đầu học tập sự nói dối, xem thường lời hứa mà cha nó đã làm. Nếu cha mẹ không xem trọng lời hứa, không giữ được thành-tín với con cái từ những hành-vi nhỏ nhặt như trên, thì vô tình đã nuôi dưỡng trong đầu óc con cái mình tật nói dối, khinh thường lời hứa. Mất đi sự thành tín, ngay từ lúc nhỏ đứa bé đã mất đi một đức tính tốt cần trong việc xây dựng tương-lai, tạo lập sự nghiệp ở mai hậu. Người xưa đã đặt sự thành-tín trên mọi hoạt-động, mọi công-tác, và đã nói : « Nhân vô tín bất lập ». Một khi đã thiếu chữ tín, con người không làm được bất cứ một điều gì.

Nhưng « tín » là thế nào ? Tầm quan trọng của nó ra sao ?

(Còn tiếp)

Tư tưởng Danh nhân

— Các bạn nên nhớ rằng : « Kẻ dốt nát là một người mù, và kẻ lười biếng không muốn chịu khổ một tí dè học hỏi là kẻ hèn nhát ».

Sachez-le bien, l'ignorant est un aveugle et le paresseux qui ne veut pas prendre un peu de peine pour s'instruire, est un lâche.

(GUYAU)

(TIẾP THEO D TRANG 44)

nghệ, thì đột nhiên Hàn-Mặc-Tử bỗng cảm thấy triệu chứng phát hiện của một chứng bệnh ghê gớm : bệnh « cũ ». Bấy giờ không thể nào diễn-tả cho hết được nỗi kinh-hoàng khủng-khiếp lên trên gương mặt của chàng thanh-niên Nguyễn-Trọng-Trí. Thời thế là hết, bao nhiêu ước-vọng, hoài-bảo đã tan theo mây khói. Cái chứng bệnh ghê gớm kia làm cho thi-sĩ tuyệt vọng hoàn-toàn. Trono tàn-cạn của Trí dường như có muôn ngàn mũi kim đang đâm vào, khiến



cho chàng đau buốt đến tận óc. Trí muốn phát điên lên, muốn kêu lên cho thấu đến trời cao. Chàng thấy thương xót cho thân-thể thì ít, mà xót xa cho sự nghiệp mình đang theo đuổi phải bị nỡ chừng bỏ dở. Còn nỗi thâm sâu, đau-khổ nào hơn : Khi biết chắc-chắn mình đã mắc phải chứng bệnh hiểm nghèo kia, Hàn-Mặc-Tử liền bỏ nhà ra đi, tìm thuê một cái nhà ở Gò-Bôi, cách Qui-Nhơn độ 15 cây số. Chàng bắt đầu tuyệt giao hẳn với bạn-bè, cắt đứt ngay mọi sự liên-lạc thư-từ và yêu cầu người nhà không được loan truyền tin ra ngoài là chàng mắc phải bệnh hủi. Những thư-từ của bạn-bè cùng các nơi gửi về đều « ông nhận được thư phúc-đáp của chàng. Một người bạn thân của chàng, ông Trường-Xuân ở Nha-Trang lấy làm lạ về việc chàng mất liên-lạc, và tự hỏi vì lý do nào thư gửi đi thì có, mà thư về thì không. Ông Trường-Xuân vô cùng thắc-mắc, vì Trí rất quý mến bạn-bè, không bao giờ chàng lại có thể vô-tâm đến thế được. Và

sau có một người bạn gái từ Qui-Nhơn về Nha-Trang cho hay Hàn-Mặc-Tử mắc phải chứng bệnh nan-y kia. Ông Trường-Xuân hay được tin, dù này bằng-hoàng sống-sốt. Liền vội-và theo địa-chỉ mới đề hỏi cho chắc-chắn. Thấy không thể giấu mãi người bạn thân thành Trí liền viết thư hỏi-ám, trong thư chàng dùng những lời lẽ vô cùng đau thương chặc ông Trường-Xuân biết sơ-dĩ gần hơn năm nay chàng giấu biệt bạn-bè tin chàng mắc phải bệnh hủi, chỉ vì chàng sợ những bạn thân hay tin này mà đau khổ xót xa. Nay không thể giấu được, đành phải nói thật. Bệnh tình của Trí càng ngày càng tăng, thêm, và sự hốt-hoảng, lo-lắng của con bệnh càng khiến cho vi-trùng có dịp làm gĩa thêm. Nhận thấy bên mình còn nỡ trách-nhiệm nặng nề. Trí mong sao sớm được bình-phục sức khoẻ để hoàn thành đại sự-mệnh văn nghệ mà chàng đã mặc-nhiên tiếp nhận và cương-quyết phải đạt cho đến kết-quả cuối cùng, dù với bất cứ giá nào. Muốn chóng lành bệnh, ai điếm chỉ nơi nào có thầy hay thuốc giỏi, Trí cũng tìm tới để cầu hỏi thuốc thang. Bất cứ người nào đến dò chàng kiến-cứ thứ gì để chóng lành bệnh chàng đều làm ngay, không quản ngại khổ-cực khó-khăn. Đôi khi đang uống thuốc của ông lang này, nhưng có người khác cho ông lang khác hay hơn thế là chàng bỏ ngay thuốc đang uống, theo thuốc khác. Sự dổi thuốc đột-ngột này đã làm cho Hàn-Mặc-Tử bị hành-hạ khổ-sở thể-xác bệnh-hoạn. Cứ lúc chàng phải ngất xỉu vì sự công-phat của thuốc, nhưng chàng vẫn cầu mong cho bệnh tình được chóng bình-phục. Nhưng bệnh vẫn cứ hành-hạ con người của Hàn-Mặc-Tử. Hy-vọng chóng khỏi bệnh đã tiêu tan theo mây khói.

Nhưng trong cơn bệnh hoạn, khổ-đau đến cùng độ Hàn-Mặc-Tử đã ngẫu-nhiên tạo cho mình một sự-nghiệp về thi-ca, và nhận thức được rõ-ràng cái tinh-hoa trong thi-ca Định-ngĩa về thơ, chàng đã viết :

« Tôi làm thơ, nghĩa là tôi nhấm một cung đàn, bấm một đường tơ, rung rinh

một làn ánh sáng. Anh sẽ thấy hơi dần là lướt theo hơi thở của hồn tôi, và chịu theo những sóng cuộn nóng ran trút xuống bởi năm đầu ngón tay uyên-chuyên. Anh sẽ run theo khúc ngân nga của tơ đồng, sẽ đã mặc cho giai âm rền-rĩ tiếng nuôi không



ngưng. Và anh sẽ cảm-giác lạ, nhìn không chớp mắt một tia sáng xôn-xao tại có vì sao vờ. Những thứ ấy là âm-độ thiêng-liêng tạo ra trong khi máu cuồng rên vang dưới ngòi bút.

Hàn-Mặc-Tử đã thú thật rằng trong những cơn điên-loạn vì bệnh-hoạn, những cơn hành-hạ nào cần của vi-trùng hủi, đó là những phút giây mà chàng làm thơ. Chết thơ đã trợt lên vào nước mắt:

« Mỗi lần tôi làm được một bài thơ là héo-hắt đi một ít ở tâm-hồn, và xác thịt cũng hao mòn dần đi. Khi nào tôi óa lên khúc, hay gào thét như người điên, lúc bấy giờ tôi mới làm được thơ »

Tuy nhiên, chàng cũng cho biết là chàng đã làm thơ trong khó nhọc vô cùng, trong sự đau đớn ở chỗ vừa linh-hồn lẫn thể xác, và cũng khổ đau khi chàng tìm thấy người yêu thơ chân thành:

« Tôi làm được một bài thơ là một sự khó nhọc cho linh-hồn và xác thịt tôi lẫn. Viết một bài thơ, người tôi mệt là đi, mặt tôi đỏ rục lên, hai mắt trông trắng mất hết

cả tinh-thần, và mấy đầu ngón tay thì tê dại đi, không cử động. Thế mà người ta cũng dành mua thơ tôi bằng tiền à? »

Luôn-luôn những vần thơ của Hàn-Mặc-Tử cũng phảng-phất những danh-từ và bệnh-trạng của chàng. Những đau-dớn, những hành-hạ thể-xác của cơn bệnh nan-y ám ảnh chàng đến tận độ. Trong tập thơ « Đau Thương » có những câu như:

Người trắng ăn vận toàn trắng cả,
Gò má riêng thối lại đỏ thẫm.
... Gió rít từng cao trắng ngả ngửa,
Vỡ tan thành vũng đọng vàng khô,
Ta nằm trong vũng trắng đêm ấy,
Sáng dậy điên cuồng máu máu ra.
(Say Trắng)

Gia đình Hàn-Mặc-Tử thấy chàng bệnh hoạn, đau đớn, nhưng vẫn cứ làm thơ, ngâm thơ, nhất là mẹ chàng thấy con nhiều lúc như nổi cơn điên-loạn, tay múa may quay cuồng, mắt đỏ ngầu, thả xác mệt như ra, nhưng miệng vẫn ngâm thơ, rất hại cho sức khỏe của chàng, hết sức khuyên ngăn không muốn chàng làm thơ, ngâm thơ. Nhưng làm thơ, ngâm thơ vốn là nguồn sống vô biên của Hàn-Mặc-Tử trong cơn đau yếu, chàng ngưng đi tức là đã tự giết mình trong héo-hon, tuyệt-vọng. Ta hãy đọc bài « Rướm Máu » trong tập thơ « Đau Thương » của Hàn-Mặc-Tử sẽ thấy tại sao chàng làm rất nhiều thơ trong khi tâm hồn và thể-xác cần-oại trong sự hành-hạ, dày-vò của cơn bệnh:

Tôi muốn hồn trào ra đầu ngọn bút,
Mỗi lời thơ đều dính não cần ta.
Bao nét chữ quay cuồng như máu vọt,
Cho mê-man chết điếng óa làn da.
Cứ để ta ngất ngư trong vũng huyết,
Trái niêm đau trên mảnh giấy mong manh,
Đừng nắm lại nguồn thơ ta đang siết.

Cả lòng ai trong mớ chữ rung rinh,
Hàn-Mặc-Tử lại muốn cho hồn được
lìa khỏi xác, để được dạo chơi đêm đêm
cho quên đi thực-tại quá nào-nhẽ chưa xót-

Chàng muốn sống trong cái thế-giới siêu hình:

Vì không giới nới trầm hương vắng,
lặng,
Nên hồn bay vùn vụt tới trắng sao,
Sóng gió nổi rừng rừng như địa chấn
Và muôn ngàn thần-phách ngả lao-
dao.

Cà hơi hăm muốn xưa theo âm ảnh,
Hồn trơ-vơ không biết lạc về đâu?
Và vương phải vô-vân tinh khí lạnh,
Hồn mê-man bất tỉnh một hồi lâu
Rồi, sáng-sốt bay tìm muôn tử-khí,
Mà muốn sao xa cách cõi hoang sơ,
Hồn cảm thấy bụi người như rướm lệ,

Thôi, hồn ơi! phiêu-dạt đến bao giờ!
Nhưng dù hồn có lìa ra khỏi xác Hàn-Mặc-Tử vẫn bị bệnh-trạng ám ảnh đến cực độ, cái đau trong thực-tại vẫn làm cho chàng nhức-nhối cả châu thân, da thịt, xương-tủy bị vi-trùng hủi đục khoét không dung tha:

Đêm nay ta khạc hồn ra khỏi miệng,
Đã cho hồn đỡ bớt nỗi bi-thương,
Nhưng khốn nỗi? xác ta đành cầm
tiếng g

Hồn đi rồi không nhập xác thể
lượng
(ĐAU THƯƠNG. - Hồn lìa khỏi xác)

Cả nhà Hàn-Mặc-Tử đều trông cậy vào người anh cả là ông Mộng-Châu Nguyễn Bá-Nhan nhưng đau-dớn thay người anh cả đảm-đang ấy bị chết vì một tai nạn xe hơi, trong khi cùng đi với một viên Kỹ-sư Công-Chánh để xem một khúc đường vừa mới làm xong, vì ông Nhân làm thầu khoán. Gia đình chàng chỉ còn trông vào đồng lương hưu-trí ít-ỏi của cha không hơn ba mươi đồng. Để gia đình đỡ bớt gánh nặng, sau nhiều lần do dự, Hàn-Mặc-Tử, quyết định xin vào trại hủi Qui-Hòa ở Qui-Nhơn. Nhưng chàng lại được may-mắn tiếp nhận sự giúp đỡ của một người bạn thân ở Nha-Trang là thi-sĩ Quách-Tấn, vừa gởi đến một vị lương-y để chữa bệnh cho chàng và sẽ trả hết những khoản chi phí thuốc men cho đến khi chàng lành bệnh. Hàn-Mặc-

Tử như người chết đuối vớ được phao, nãi vui mừng không sao kể cho xiết được. Từ khi nhờ vị lương-y bốc thuốc, chàng cảm thấy bệnh tình thuyên giảm rõ rệt. Chàng mừng quá đến nỗi ôm vị lương-y rồi hòa lên khúc như một đứa trẻ con. Chàng dinh ninh rồi đẩy cơn bệnh, ngặt nghèo kia sẽ chóng lành.



Cả gia đình chàng cũng đều mừng vui vô hạn. Hàn-Mặc-Tử lại tung thơ đi khắp nơi báo tin cho bè-bạn hay là chàng sẽ thoát nạn một ngày gần đây, và sẽ trở lại với cuộc đời làm văn-nghe. Nhưng có biết đâu số phận hăm hiu đã an bài rồi. Cơn bệnh sau mấy tháng giảm bớt, bỗng-nhiên lại phát rồi lên dữ-dội, vi-trùng bệnh hủi vẫn không buông tha con người tài-hóa, Hàn-Mặc-Tử trở bệnh bất ngờ. Vị lương-y ở Nha-Trang đành thúc-thủ không biết làm sao hơn nữa. Mẹ chàng không lẽ để chàng với cơn bệnh hoành-hành cho đến chết, cho nên hết chạy thầy này, đến thuốc nọ cho con. Nhưng tiền mất mà bệnh vẫn còn. Gia đình chàng phải vô cùng vất-vả: người mẹ hiện phải hết sức cần-kiệm để cung-cấp cho chàng chữa bệnh. Có độ một năm mà chàng đã phải dời chỗ ở đến năm, bảy lần, vì tiền hết thầy không chữa bệnh nhân. Sau cùng, chàng phải dọn về ở chung với gia đình. Trong một bức thư gởi cho Trần-Thanh-Dịch, chàng đã viết: « Dịch ơi! Trí về nhà, ngờ ra đường, thấy trời tốt đẹp quá. Người ta, người thiên-hạ ấy, sao mà vui-vẻ quá và sao lòng Trí lại không háo-hức chút nào cả. Dịch ơi! Tại làm sao Trí thấy một người con gái mới lớn lên xinh đẹp lạ kỳ mà Trí lại không nhìn ngắm? Ô! Dịch ơi! mấy năm đau khổ, không ngờ lòng Trí lại khô héo đến thế? »

(Xem tiếp ở trang 49)

SỰ ĐỜI ĐÁ KHUẤT TRONG ĐÔI MẮT

NHƯNG THIÊN-TÀI VẮN NGỜI CHÓI TRONG TÂM LINH

Không ai ngờ một quốc gia nhỏ bé như Thụy-sĩ chuyên sản xuất những chiếc đồng hồ xinh xắn tinh vi được nổi tiếng trên thế giới, lại là một quốc gia sản xuất được nhiều nhà bác học lừng danh trên thế giới. Riêng dòng họ Bernouillis đã đào tạo 9 nhà bác học, liên-tiếp trong ba đời. Nhưng thế giới khâm phục nhất là thiên-tài EULER dù bị mù-lòa đôi mắt, vẫn hăng say trong việc nghiên-cứu về khoa-học. Nếu thi-hào đất Đồng-Nai Nguyễn-Dinh-Chiều nhờ sự mù-lòa đôi mắt đã nêu gương sáng cho hậu thế, dùng thể giới-tối-tâm để sáng-tác không ngừng, đưa văn-thơ ông lên chỗ cao nhất của thi đàn Việt-Nam, thì nhà bác-học EULER của Thụy-sĩ cũng đã dùng cái đèn đay đặc không bao giờ thấy ánh sáng mặt trời ấy để nghiên cứu khoa-học. Tuy-nhiên, đối với các thi-nhân, các nhạc sĩ sự mù-lòa không làm cản trở được nghệ-thuật làm thơ, phổ nhạc, vì càng nhắm nghiên đôi mắt lại, người ta lại càng nhận thức rõ những âm-thanh, càng tìm được nhiều cảm hứng để sáng tác trong sự im lặng của bóng tối. Nhưng nếu nhắm mắt lại để tìm những ẩn-số, để giải những phương-trình, những đáp số từ trang giấy này qua trang giấy khác, tính nhẩm trong đầu óc những bài toán phức tạp nhất, thì quả thật là điều khó thực hiện được. Thế nhưng EULER cảnh mù-lòa, trong bóng

tối vĩnh cửu đã tính được đích xác quỹ đạo và sự chuyển động của mặt trăng, EULER đã đoạt được của Hàn-lâm-viện khoa-học Ba Lê (Pháp), trước sau tất cả là 12 giải thưởng. Nhưng EULER sinh trưởng trong một gia-đình như thế nào ở Thụy-sĩ? Đã làm những gì cho thế giới khoa-học đã được hậu thế tôn sùng, ca ngợi?

EULER tên thật là Léonard EULER con của Paul EULER và Marguerite BRUCKER, sinh năm 1707 tại Bale (Thụy-sĩ). Thân sinh ông làm chức mục-sư ở một làng gần Richen. Thuở nhỏ EULER được thân phụ dạy học môn toán, và ông đã tỏ ra xuất sắc về môn này. Trước kia thân phụ ông đã từng học toán với dòng họ Bernouillis, và tỏ ra có nhiều khả năng về môn này. Nhưng từ khi giữ chức mục-sư, thân-phụ Léonard EULER chú trọng đến môn thần-học. Sở dĩ Paul EULER dạy cho con mình môn toán học là cốt để tiêu-khiển trong thi giờ rảnh, thâm tâm ông ao ước cho Léonard kế nghiệp làm mục-sư như ông.

LINH-CHI

Nhưng dự tính của Paul lại khác với chỉ hướng của Léonard, vì cậu con trai yêu quý của đời họ EULER thích theo đuổi nghiệp của một nhà toán học. Léonard đư

(Xem tiếp H trang 49)

(Tiếp theo G trang 47)

Và chàng cũng đã thất-lệ với người bạn thân và cảnh khốn-khổ của mình, không tiền chầy chữa thuốc-men: « Địch ơi! Địch này Trĩ bớt nhiều lắm, và hiện nay Trĩ đã về tạm ở nhà. Cái nguyên-nhân là không liên uống thuốc, nên Trĩ lo buồn qua. Thời đừng nói tới chuyện đó nữa. »

Mang chứng bệnh hủi, Hàn-Mặc-Tử đã phải trốn chui như một kẻ tội phạm, vì sợ có người mách thì Sở vệ-sinh công-cộng sẽ đến mời đi ngay, phần thì sợ truyền-nhiễm cho gia-đình, con trẻ. Do đó, Hàn-Mặc-Tử lại cứ phải dời nhà luôn. Viết cho Trần-Thanh-Địch có đoạn chàng nói: « Bữa nay, Trĩ xuống ở nhà bà thầy thuốc rồi. Ở đây nhà cửa mát-mẻ quá, thanh-tĩnh nữa không như ở nhà Trĩ ồn-ào quá, nhất là mấy đứa cháu chơi đùa la hét, nói không được. »



Trong một bức thư khác, viết cho Trần-Tái-Phùng ở Huế, Hàn-Mặc-Tử lại cho biết cái lý-do chàng vắng sáng-tác thơ:

« Cuộc đời tôi trong khoảng một tháng nay rung-rinh nhiều lắm. Tôi đã đi ở chỗ khác, không còn ở chỗ cũ nữa. Và chỗ này cũng gần biên, trước mặt biển, sau là sông. Nhưng phải cái nhà không được kín đáo lắm. Có một mái nắng dọi nhiều quá, từ trưa tới chiều, in lên cả mặt giường không sao nằm được. Tôi đã lấy nào là bị-thư, nào là giấy nhật trình nhét khắp cả, thế mà « chày trời không khỏi nắng ». Cả buổi chiều nếu là ở trong nhà thì phải đội mũ, còn không thì phải đi chỗ khác chơi. Cái hoàn cảnh bất như ý ấy đã chẳng cho tôi được phút nào thật bình-an nên tôi chẳng có thời giờ để viết hay làm thơ nữa. »

(Còn tiếp)

(Tiếp theo H trang 48)

cha cho theo học ở trường Đại-học Bale. Nơi đây EULER may-mắn được học với giáo-sư Jean Bernouillis, một dòng họ được nổi tiếng sản-xuất nhiều nhà bác học nhất ở Thụy-sĩ. Nhận thấy EULER có năng khiếu đặc-biệt về toán, Jean Bernouillis liền cho làm bạn với hai người con của ông là Nicolas và Daniel. Chính hai người bạn này đã giúp EULER rất nhiều trên đường tạo lập sự nghiệp. Về sau, Nicolas và Daniel đều trở thành hai nhà thông-thái của Thụy-sĩ. Sau khi Tốt-nghiệp Đại-học đường Bale, EULER bị phụ thân bắt phải theo học về thần-học để kế-nghiệp mục-sư cho ông. Sau này Léonard hết lời khấn cầu thân phụ cuối cùng phải nhờ giáo-sư Jean Bernouillis nói giúp với thân phụ thêm, Paul cũng không đòi ý. Léonard vô cùng buồn khổ. Nhưng tình thần ham chuộng khoa học của chàng không vì thế mà bị suy giảm, trái lại càng khiến cho Léonard say mê điên cuồng. Rồi rãnh được giây phút nào, EULER vội tìm sách toán đọc một cách say sưa, và đến nhà Bernouillis để học-hỏi thêm về những điều thiếu sót về toán-học.

Khi Nữ-hoàng Nga Catherine I thành lập một Hàn-lâm-viện-khoa-học ở Saint Pétersbourg, liền triệu thỉnh Nicolas và Daniel Bernouillis sang điều khiển viện khoa học này. Cả hai anh em Bernouillis đều hứa sẽ tìm cách vận động với Nữ-hoàng Catherine cho EULER được phụ-trách về môn Vật-lý ở Saint Pétersbourg. EULER hy vọng với chân giáo-sư sinh-lý-học sẽ bước sang địa-hạt toán-học để thực-hiện hoài-bảo to-tát của mình. Trong khi chờ đợi sự vận động của anh em Bernouillis, EULER theo học y-khoa. Song song với việc học này, EULER lại nghiên-cứu về môn Vật-lý-học. Trong thời gian này Hàn-lâm-viện khoa-học ra một đề thi về hàng-hải, chuyên nghiên-cứu về thuyền buồm. EULER đã gửi bài dự thi. Tuy không được trúng giải, nhưng bà của EULER đã được hội-đồng giám-khảo đặc-biệt khen ngợi về những điểm chính xác đo đạc tìm ra.

(Còn tiếp)

TỪ - ĐIỂN THỜI-ĐẠI

do MÃY NGÀN PHƯƠNG
phụ-trách

Trong mục này, các bạn sẽ tìm thấy sự tiêu-khiển bằng nghĩa bóng, của các danh-từ giữa thời-đại nguyên-tử này. Yêu cầu các bạn đừng chép, hay sao lại y nguyên văn, hoặc trích ra đăng trên bất cứ một tạp chí hay một tờ báo nào vì chúng tôi đã có dấu chứng nhận hiệu này trên tờ thương mại, như các nhãn hiệu « tàu vị yếu » con chuột, « bột giặt » con mèo... rồi đó.

Ả - Không cần phải có tài văn-chương như các ã-đạo ngày trước biết làm say mê bọn mày râu bằng lối ão-nương-ca, mà chỉ cần ăn mặc hớ-hang theo kiểu Brigitte Bardot, Jayne Mansfield... đi đứng cho ra vẻ « đầm », đánh phấn thoa son theo các minh-tinh « xi-cà-la-ma », ở ng-ợo liếc mắt đưa tình để kiếm nhiều đô-la. Thường thấy nhiều nhất vào khoảng chiều chiều ở « sô-nách ba ».

Ả MUỐI. — Thích mặc đồ kiểu các cô gái Hồng-Kông, Thượng-Hải, nhưng tiếng Tàu thì mù-tịt, thích lại gần các-quân-nhân Mỹ mới sang Việt Nam để nói « Ổ Kê » « Num bờ oann » (number one) và cũng để chụp đô-la xanh, đô-la đỏ.

Ả HẬU. — không được xếp lên hạng người-đẹp « trăm ngư lạc nhận », « bể nguyệt tu hoa » chỉ vì đôi có nhiều vết sẹo ghê ngứa, bụng quá to, ngực xẹp lép như đồng hồ Thụy-sĩ, không làm cho các anh chàng trong ban chấm thi có máu Bù-Kiểm-rung động được.

AN TRÍ VIỆN. — Nơi nghỉ mát của các tay buôn chánh-trị, buôn lậu, gian thương, đầu-cơ tích trữ, và những hạng

thanh-niên bỏ học hành để phá làng phá xóm. Cũng là nơi tĩnh-dưỡng của những hạng người ăn cắp của công làm của riêng để làm hài lòng các V.2, V.3 và V...

ANH CHỊ BỤ. — Những anh chàng muốn ở không mà có tiền nhiều, thường xuất hiện ở các nẻo đường vắng để chụp giết tiền của khách qua đường, cùng những nữ trang quý giá, nhưng lại rất kỵ những đội tuần-tiêu của cảnh-sát và quân-đội

ÁP-PHE. — Một nghề không vốn, không có thầy dạy, sở trường lợi dụng sự quen biết ông này ông nọ để lật hầu bao thiên hạ thật tợn, sở đoản lấy được tiền rồi việc không xong chuẩn mất đồ ai kiếm cho ra.

THƠ

• Sa-Giang

TRẦN-TUẤN-KIỆT

Lời xưa tiếng vọng hương màu
Rừng chim ổ động xôn xao,
dưới trời

Mưa buồn dộc đá chơi vơi,
Trút đau thương lạnh xuống
đời buồn chưa.

Cánh bằng thả cỏ ngày xưa.
Đã bay nhàn đậm không vờn
nhớ thương. (Tiếng gọi)

XỔ - SỐ

KIẾN-THIỆT

QUỐC - GIA



Giúp đồng bào ta làm nên cửa nhà

3 LÔ ĐỘC-ĐẮC 1.000.000đ

BÁN GIÁ CHÍNH THỨC :

9đ60 : CHO NGƯỜI BÁN LẺ

10đ : CHO NGƯỜI TIÊU THỤ

TẠI : TỔNG NHA NGÂN-KHỐ

: TỔNG NHA THUẾ-VỤ

: SỞ XỔ SỐ KIẾN-THIỆT

TỦ SÁCH GIÁO - KHOA CỦA BAN TU-THƯ

SIÈNG - HỌC

ĐÃ XUẤT-BẢN

● GIẢNG-LUẬN VIỆT VĂN

Kỳ thi Tú-Tài A, B, C, D và Trung Học
(In lần thứ ba c+sửa chữa và tăng bổ trên 800 trang mới)

1400 trang giá 190đ.

● LUẬN PHỔ-THÔNG LUÂN-LÝ

Kỳ thi Tú Tài, Trung-Học phổ thông, Sư-phạm
và các lớp Cao Đẳng chuyên-khoa
(In lần thứ hai c+sửa chữa và tăng bổ 50 đề phổ-thông
và 50 đề luân lý)

Trên 300 trang giá 75đ.

☆ KHẢO-SÁT LUẬN VIỆT-VĂN

Gồm 30 đề luận văn chương, phổ thông, luân-lý

HƠN 70 CÂU HỎI GIÁO KHOA :

các tác-gia O văn-học-sử O khảo-sát đoạn thơ, văn, văn-thể

Đầy đủ phương pháp thực hành

TÀI LIỆU DỒI-ĐẠO VỀ :

Đông-Dương Tạp-Chí O Nam-Phong Tạp-Chí O Tự Lực Văn-Đoàn

Trên 400 trang giá 8 đ

☆ LUẬN --- CÂU HỎI VĂN-CHƯƠNG

Dùng cho các thí sinh Tú-Tài I A.B.C-D

Tài liệu mới nhất dùng theo đề tài áp dụng cho kỳ thi Tú-Tài I
mỗi bài gồm có hai đề luận và câu hỏi văn-chương.

(có bài giải sẵn)

Trên 300 trang, giá 78đ.

XUẤT BẢN VÀO THÁNG GIÊNG D.L-1966

Thành-Ngữ Điện-Tích Danh-Nhân Từ-Điện

Một tài-liệu biên khảo công-phu trên 9 năm mà các bạn yêu tiếng mẹ
không thể thiếu được. Trên 10.000 thành-ngữ điện-tích trong đủ các
loại sách quý đã được sưu-tập và xếp đặt theo mẫu tự ABC. Đầy đủ
các danh-nhân, thi-gia, văn hào Việt-Nam rất tiện việc tham-khảo. Các
tác phẩm nổi danh như ĐOẠN TRƯỜNG TÂN-THANH, LỤC-VÂN-
TIÊN, NHI ĐO MAI, CHÍNH PHỤ NGÂM-KHÚC và hàng trăm tác-phẩm
khác đều được tập trung trong quyển :

THÀNH-NGỮ ĐIỆN-TÍCH-DANH-NHÂN-TỪ-ĐIỆN

Sách dày trên 1200 trang chữ nhỏ, bìa và sách trình-bày TUYỆT ĐẸP

O Loại thường giá 250đ.

O Loại đặc biệt giá 400đ.

<http://tieulun.hopto.org>

In tại nhà in Trung Thành 490 đường Trần Hưng Đạo-Chợ Lớn